

# LUẬN CỨ KHOA HỌC CỦA CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN: HIỆN TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG Ở VIỆT NAM<sup>1</sup>

TS. Đào Thế Anh, GS.VS. Đào Thế Tuấn, TS. Lê Quốc Doanh

Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam

## 1. Mở đầu

Diễn biến của Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn của nước ta vào nửa cuối thập kỷ 80 đã diễn ra quá trình giảm mạnh tỷ trọng công nghiệp (ngành sử dụng nhiều vốn, ít lao động) và tăng tỷ trọng các ngành nông nghiệp (sử dụng ít vốn, nhiều lao động) thì trong nửa đầu thập kỷ 90 đã có một quá trình công nghiệp hoá mạnh mẽ đi kèm với giảm tỷ trọng nông nghiệp và bùng nổ khu vực dịch vụ. Tiếp đến trong nửa cuối thập kỷ 90 và kéo dài đến nay, chúng ta thấy quá trình công nghiệp hoá được đẩy nhanh hơn trong khi tỷ trọng của cả hai khu vực nông nghiệp và dịch vụ đều giảm tương đối.

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn là một hiện tượng phức tạp, cần phải được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận hoàn chỉnh và phân tích bằng các phương pháp phân tích đa yếu tố. Việc đánh giá tình hình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của nước ta tập trung vào giai đoạn 1996-2002, là giai đoạn mà quá trình chuyển đổi diễn ra tương đối rõ nét ở một số vùng.

## 2. Cơ sở lý luận của quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế

Theo H. Chenery (1988), khái niệm chuyển đổi cơ cấu kinh tế là các thay đổi về cơ cấu kinh tế và thể chế cần thiết cho sự tăng trưởng liên tục của tổng sản phẩm quốc dân (GDP), bao gồm sự tích lũy của vốn vật chất và con người, thay đổi nhu cầu, sản xuất, lưu thông và việc làm. Ngoài ra còn các quá trình kinh tế xã hội kèm theo như đô thị hoá, biến động dân số, thay đổi trong việc thu nhập. Khái niệm chuyển đổi cơ cấu kinh tế được sử dụng đồng nghĩa với cụm từ chuyển dịch cơ cấu kinh tế được một số tài liệu nghiên cứu khác sử dụng, về bản chất chỉ sự thay đổi đổi trong cơ cấu kinh tế (*change* hay *transformation*). Fisher (1935) phân biệt ba khu vực kinh tế Sơ cấp (nông nghiệp), Cấp hai (công nghiệp) và Cấp ba (dịch vụ) và trong sự phát triển việc làm và đầu tư chuyển từ khu vực sơ cấp sang cấp hai và một phần sang cấp ba. Clark (1940) phát triển thêm cho rằng

---

<sup>1</sup> Báo cáo của đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước KC.07.17: Nghiên cứu luận cứ khoa học của chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

chính năng suất lao động trong các khu vực đã quyết định việc chuyển lao động từ khu vực năng suất thấp sang khu vực năng suất cao.

Song song với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế chung có sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và không thể tách rời hai quá trình này.

**Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp** phụ thuộc vào việc chuyển đổi cơ cấu của cả nền kinh tế. Theo nghiên cứu thống kê của nhiều nước trên thế giới, giữa tăng trưởng của khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp có một tương quan rất chặt chẽ: 1% tăng trưởng nông nghiệp tương ứng với 4% tăng trưởng phi nông nghiệp.

Xu hướng chung của sự phát triển nông nghiệp của các nước là, lúc đầu tập trung vào việc tự túc cây lương thực, sau đấy chuyển sang sản xuất cây thức ăn gia súc và chăn nuôi, rồi các cây có dầu, đạm, rau và quả.

Sự phát triển của nông nghiệp do hai hiệu ứng chi phối:

*Hiệu ứng Engel*, xây dựng trên thuyết vi mô về tiêu dùng, cho rằng lúc thu nhập của nhân dân tăng lên thì nhu cầu sản phẩm nông nghiệp lúc đầu tăng theo, nhưng đến một lúc nào đó sẽ bị bão hoà và nhu cầu không tăng nữa. Tỷ lệ giữa tăng thu nhập và tăng nhu cầu gọi là hệ số co giãn. Hệ số này lúc đầu tăng, đến một thời điểm sẽ giảm xuống. Khi nhu cầu đã bị bão hoà thì nông nghiệp muốn tiếp tục phát triển phải đa dạng hoá sản phẩm.

*Hiệu ứng Malassis*, cho rằng đến một lúc nào đấy phần của dân số phục vụ cho việc ăn uống tăng lên không phải trong khu vực nông nghiệp nữa mà trong khu vực phi nông nghiệp. Do đấy, giá trị gia tăng của khu vực công nghiệp chế biến sẽ tăng lên và vượt giá trị nông nghiệp. Theo Malassis thì nhu cầu của sản xuất nông nghiệp tăng chậm hơn nhu cầu của sản xuất và chế biến thức ăn.

Kinh nghiệm của một số nước cho thấy là, muốn phát triển được phải áp dụng các cải tiến kỹ thuật và thể chế cho phép khu vực nông nghiệp tạo ra được thêm thu nhập. Phải có các cơ chế để chuyển thu nhập giữa các khu vực thì mới có sự phát triển. Thị trường là công cụ để chuyển thu nhập. Phải có một thị trường hoàn chỉnh phản ảnh được quan hệ giữa cung cầu. Thu nhập của nông nghiệp sang công nghiệp phải được dùng để sản xuất các vật tư giúp cải tiến kỹ thuật nông nghiệp (Y. Hayami, V. Ruttan, 1985).

Thách thức lớn nhất đối với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế là việc rút bớt lao động ra khỏi nông nghiệp và nông thôn. Nếu không rút được lao động thì không thể nâng cao năng suất lao động và không nâng cao được thu nhập. Trong quá trình phát triển, trên thế giới có ba kiểu chuyển dịch lao động khác nhau:

Giảm cả số lượng lẫn tỷ lệ lao động nông nghiệp như các nước đã phát triển.

Giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp nhưng tăng số lượng tuyệt đối lao động nông nghiệp như Pakistan, Philipin, Bra xin, Mehico, Thổ Nhĩ Kỳ và Ai Cập.

Tăng cả tỷ lệ lẫn số lượng lao động nông nghiệp như Ấn Độ, Syria.

Nước ta hiện thuộc vào kiểu thứ hai. Đối với các nước thuộc kiểu 2 và 3 thì việc phát triển công nghiệp nông thôn là tất yếu (Klatzman, 1971).

**Vai trò của thể chế** trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế cũng được khẳng định. Gần đây North (1997) đã nêu vấn đề phải phân tích việc sụp đổ của phe XHCN và sự chuyển đổi của các nền kinh tế trên quan điểm của tiếp cận thể chế-nhận thức. Để làm việc này North nêu các quan điểm sau:

Chính sự hoà trộn của các quy tắc chính thức và những chuẩn mực không chính thức và những đặc trưng trong thực thi đã định hình nên hoạt động kinh tế. Trong khi các quy tắc có thể thay đổi ngay thì các chuẩn mực chỉ biến đổi từ từ. Vì vậy lúc đã thay đổi những quy tắc chính thức của một nền kinh tế khác, nền kinh tế này sẽ hoạt động một cách khác do những chuẩn mực không chính thức và sự thực thi khác nhau. Vì vậy việc chuyển giao các quy tắc kinh tế và chính trị của nền kinh tế thị trường phương Tây sang các nước đang chuyển đổi không phải là điều kiện đủ cho một động thái kinh tế tốt. Tự nhân hoá không phải là một phương thuốc bách bệnh để khắc phục động thái kinh tế tồi.

Các hoạt động chính trị góp phần đáng kể tạo ra động thái kinh tế, bởi chúng quy định các quy tắc kinh tế và làm cho các quy tắc ấy có hiệu lực. Vì vậy một bộ phận quan trọng của chính sách phát triển là tạo ra các chính thể mà sẽ sáng tạo ra và hiệu lực hoá các quyền sở hữu đầy đủ. Cần nghiên cứu mô hình hoá các chính thể của các nước đang chuyển đổi. Những quy phạm không chính thức (các chuẩn mực, những tập quán và các quy tắc ứng xử) tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng, đôi khi có thể tạo ra tăng trưởng kinh tế ngay cả khi có những quy tắc chính trị không ổn định hoặc bất lợi.

Yếu tố quan trọng đối với tăng trưởng dài hạn chính là tính hiệu quả về mặt thích ứng chứ không phải về mặt phân bổ. Những hệ thống chính trị/kinh tế thành công đều liên quan đến những cấu trúc thể chế linh hoạt, có thể qua khỏi sự đột biến và những thay đổi, là một phần của sự tiến hoá thành công.

### **Quan niệm của đề tài về khái niệm chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn**

**Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn thể hiện ở việc đa dạng hoá sản xuất, phát triển nông nghiệp toàn diện để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tăng lên của xã hội và phát triển ngành nghề phi nông nghiệp nhằm rút bớt lao động ra khỏi nông nghiệp và nông thôn, tăng năng suất lao động nông nghiệp và tăng thu nhập của hộ nông dân.**

Trên cơ sở đó, các nội dung chính của quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn Việt Nam trong thời gian tới được xác định là :

- *Tăng năng suất cây lương thực để giải quyết an ninh lương thực và xoá đói giảm nghèo.*

- *Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phát triển cây thức ăn gia súc nhằm phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.*

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đa dạng hoá cây hàng hoá như rau, cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp dài ngày phục vụ thị trường trong nước và đa dạng hoá xuất khẩu

- Thúc đẩy đa dạng hoá cây trồng và đa dạng hoá nội ngành thông qua chế biến ở các vùng chuyên môn hoá gặp rủi ro cao như ĐBSCL, Tây nguyên nhằm ổn định hệ thống sản xuất của hộ nông dân. Phát triển công nghiệp chế biến nông sản nhằm thúc đẩy quá trình đa dạng hoá nội ngành.

- Phát triển công nghiệp nông thôn, cụm làng nghề và dịch vụ nông thôn nhằm đa dạng nguồn thu nhập của nông dân và đẩy nhanh công nghiệp hoá

- Phát triển các khu công nghiệp phân bố hợp lý trong môi trường nông thôn nhằm tạo sự phát triển cân đối giữa nông thôn và đô thị, giảm sự tập trung cao ở các đô thị lớn.

- Đầu tư vào vốn con người thông qua giáo dục, sức khoẻ, dạy nghề nhằm nâng cao trình độ chuyên nghiệp hoá của nông dân

**Hệ thống chỉ tiêu nhằm đánh giá quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế** của nước ta được đề tài đề xuất:

Các chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế:

*Các chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế theo ngành (NN, CN, DV) trong GDP*

*Cơ cấu xuất khẩu và tỷ trọng xuất khẩu nông sản*

**Các chỉ tiêu về nguồn lực: các yếu tố đầu vào của nền kinh tế:**

*Các chỉ tiêu về cơ cấu lao động như tỷ lệ lao động nông lâm ngư nghiệp trong tổng số lao động, chất lượng lao động, sự di động của lao động*

*Cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp: đô thị hoá, quy mô hộ nông nghiệp, tình trạng manh mún ruộng đất, hộ nông dân không có đất.*

*Cơ cấu vốn đầu tư xã hội và nông nghiệp, hiệu quả đầu tư trong nông nghiệp.*

*Cơ cấu các thành phần kinh tế, phân bổ vốn giữa các thành phần kinh tế*

Các chỉ tiêu đánh giá tác động của chuyển đổi cơ cấu kinh tế:

*Hệ số đa dạng của các ngành sản xuất trong khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, nông nghiệp và trồng trọt.*

*Tăng trưởng giá trị sản xuất và cơ cấu của các ngành hàng trong khu vực nông - lâm - ngư nghiệp.*

*Năng suất đất đai và năng suất lao động nông nghiệp.*

*Các chỉ tiêu thể hiện tác động của chuyển đổi cơ cấu ở cấp hộ nông dân: tăng thu nhập, tỷ lệ đói nghèo, phân hoá thu nhập (hệ số Gini), mức độ sản xuất hàng hoá và các chỉ tiêu xã hội theo mục tiêu của thiên niên kỷ...*

### **3. Hiện trạng chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở nước ta trong thập kỷ qua**

*Chuyển đổi cơ cấu kinh tế của GDP và lao động*

Trong nửa cuối thập kỷ 80 đã diễn ra quá trình giảm mạnh tỷ trọng công nghiệp (ngành sử dụng nhiều vốn, ít lao động) và tăng tỷ trọng các ngành nông nghiệp (sử dụng ít vốn, nhiều lao động) thì trong nửa đầu thập kỷ 90 đã có một quá trình công nghiệp hoá mạnh mẽ đi kèm với giảm tỷ trọng nông nghiệp và bùng nổ khu vực dịch vụ. Tiếp đến trong nửa cuối thập kỷ 90 và kéo dài đến nay, chúng ta thấy quá trình công nghiệp hoá được đẩy nhanh hơn trong khi tỷ trọng của cả hai khu vực nông nghiệp và dịch vụ đều giảm tương đối.

Bảng 1: Thay đổi cơ cấu các ngành kinh tế trong thời kỳ 1990-2003 (%)

	1990	1995	2000	2003
Toàn quốc	100,0	100,0	100,0	100,0
1. Nông Lâm Ngư	<b>38,7</b>	<b>27,2</b>	<b>24,5</b>	<b>21,8</b>
<b>a) Nông nghiệp</b>	32,7	23,0	19,8	16,7
- Trồng trọt	27,7	19,4	16,1	13,6
- Chăn nuôi	4,3	3,1	3,3	3,2
<b>b) Lâm nghiệp</b>	3,0	1,2	1,3	1,1
<b>c) Ngư nghiệp</b>	3,0	2,9	3,4	4,0
2. Công nghiệp và XD	<b>22,7</b>	<b>28,8</b>	<b>36,7</b>	<b>40,0</b>
3. Dịch vụ	<b>38,6</b>	<b>44,1</b>	<b>38,7</b>	<b>38,2</b>

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2003)

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động tại các vùng sinh thái thể hiện:

Tốc độ giảm tỷ lệ nông nghiệp trong cơ cấu GDP mạnh nhất là vùng Đông Nam bộ, tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng, rồi đến Nam Trung Bộ. Các vùng khác, có tốc độ giảm chậm hơn, riêng vùng Tây Nguyên tiếp tục tăng, trung bình 1%/năm trong giai đoạn 1996 - 2002. Tuy nhiên, về tỷ trọng trung bình của nông nghiệp trong GDP của các vùng thì Tây nguyên có tỷ trọng lớn nhất, sau đó đến đồng bằng sông Cửu Long và Tây Bắc.

Các tỉnh giảm được tỷ lệ nông nghiệp trong GDP ở mức trên 5% năm là: Bình Dương, TP Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ.

Bảng 2: Chuyển đổi cơ cấu kinh tế của GDP và lao động của các vùng, 1996-2002

	Tỷ lệ trong GDP (%)		Tỷ lệ lao động NLN (%)	Tốc độ tăng cơ cấu trong GDP (%)		Tốc độ tăng cơ cấu LĐ NLN
	N-L-N	CN		N-L-N	CN	

Cả nước	23,45	34,45	64,57	-2,29	2,99	-1,8
ĐBSH	26,89	30,63	65,09	-3,96	4,94	-2,57
Đông Bắc	39,41	27,34	81,74	-3,22	3,83	-1,2
Tây Bắc	53,24	14,96	88,57	-2,32	4,41	-0,74
Bắc Trung Bộ	40,69	21,90	74,68	-2,63	6,19	-1,5
Nam Trung Bộ	34,60	26,74	62,69	-3,58	4,47	-2,65
Tây Nguyên	68,97	11,64	77,85	1,00	-1,21	-1,02
Đông Nam Bộ	9,85	50,19	36	-4,00	3,15	-3,71
ĐBSCL	55,07	17,27	63,56	-2,17	4,58	-0,47

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2003)

Tốc độ tăng tỷ trọng công nghiệp trong GDP mạnh nhất là Bắc Trung Bộ do mới phát triển công nghiệp, rồi đến Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long; các vùng khác đều tăng, trong khi vùng núi Tây Nguyên giảm trong giai đoạn này. Tỷ trọng trung bình trong GDP công nghiệp cao nhất là Đông Nam Bộ, đã vượt mức 50%, tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng.

Các tỉnh có tỷ trọng công nghiệp trong GDP tăng mạnh trên 10%/năm là Vĩnh phúc, Hưng yên, Bắc ninh, Hà nam, Cao bằng, Lạng sơn, Bắc kạn, Quảng trị, Bình phước.

Lao động nông nghiệp giảm mạnh nhất là Đông Nam Bộ, Nam trung Bộ rồi đến Đồng bằng sông Hồng.

Các tỉnh giảm nhiều lao động nông nghiệp trên 5% năm là Đà Nẵng, Bình Dương, Thừa Thiên - Huế, Hà Nội, Hà Tây, Hà Nam, Bắc Ninh.

**Các tỉnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế mạnh**, có cả ba chỉ tiêu trên đều cao, là Bình Dương, Vĩnh Phúc và Bắc Ninh.

#### *Đa dạng hoá hoạt động kinh tế và phát triển công nghiệp nông thôn*

Công nghiệp nông thôn, đóng góp vào đa dạng hoá hoạt động kinh tế của địa phương và của hộ nông dân với các hoạt động phi nông nghiệp. Trong giai đoạn này tốc độ tăng nhanh nhất của khu vực kinh tế này là các vùng Tây Nguyên và Đồng bằng sông Hồng. Các vùng ít thay đổi trong phát triển công nghiệp ngoài quốc doanh nhất là Tây Bắc và Đồng bằng sông Cửu Long.

Do không có thống kê riêng về công nghiệp nông thôn nên không biết chính xác phần của nông thôn là bao nhiêu. Theo ước tính của UNIDO năm 1997 phần của nông thôn chiếm khoảng 20-25 %. Theo báo cáo của OCED (1998), để ước tính sự phát triển của công nghiệp nông thôn có thể lấy công nghiệp ngoài quốc doanh trừ phần của Hà nội, Hải phòng, Thừa thiên-Huế, Đà nẵng, Hồ Chí Minh, coi đấy là công nghiệp nông thôn thì: từ 1990 đến 1995 công nghiệp nông thôn tăng 7,7 % năm, công nghiệp đô thị tăng 15,3 % năm. Theo

kết quả ước tính trên thì tốc độ tăng của công nghiệp đô thị cao hơn của nông thôn, nên năm 2003 phần của nông thôn chỉ còn khoảng 15 %.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, hiện nay có 235 cơ sở công nghiệp nông thôn: 32,9 % chế biến, nông lâm thủy sản, 30,9 % sản xuất vật liệu xây dựng, 15 % công nghiệp nhẹ, 12,8 % cơ khí, 6,8 % khai thác mỏ, 2,1 % hóa chất... Trong số gần 41.000 cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn, doanh nghiệp nhà nước chiếm khoảng 14%, 5,8% là hợp tác xã, trên 80% còn lại là những doanh nghiệp tư nhân.

Theo những điều tra ngành nghề nông thôn được thực hiện, thì bình quân một cơ sở có thể tạo việc làm ổn định cho khoảng 27 lao động; một số doanh nghiệp dệt, thêu, ren, đan lát...có thể thu hút tới vài trăm lao động. Với sự phát triển của nhiều ngành nghề, công nghiệp nông thôn đã góp phần giải quyết việc làm cho trên 5 triệu lao động cả trong thời vụ và những tháng nông nhàn. Năm 1995 doanh thu ngành nghề là 38,2, ngàn tỷ đồng, năm 2001 đạt 60 ngàn tỷ đồng, tốc độ tăng 5 năm là 8,5 %.

#### *Thay đổi của nhu cầu lương thực thực phẩm trong nước*

Vai trò của sự phát triển của nhu cầu và thị trường trong nước về nông sản có tác động thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Tốc độ tăng tiêu dùng của nhà nước là -5,7% năm 1999 lên 5,4% năm 2002, trong khi đó tiêu dùng của tư nhân tăng từ 2,65% năm 1999 lên 7,1% năm 2002.

Bảng 3: Thay đổi của thị trường thực phẩm ở nông thôn và thành phố

	1993	1998	2002
<b>Giá trị tiêu dùng thực phẩm của người thành phố</b> (000 đồng/người / năm)	1455	1830	2302
<b>Giá trị tiêu dùng thực phẩm của người nông thôn</b> (000 đồng / người / năm)	1006	1236	1519
<b>Tỷ lệ thực phẩm đi mua ở thành phố (%)</b>	95,2	95,3	95,4
<b>Tỷ lệ thực phẩm đi mua ở nông thôn (%)</b>	56,8	63,8	71,5
<b>Chi tiêu cho thực phẩm của thành phố</b> (000 đồng / người / năm)	1384	1743	2196
<b>Chi tiêu cho thực phẩm của nông thôn</b> (000 đồng / người / năm)	571	786	1086
<b>Thị trường thực phẩm nông thôn</b> (tỉ đồng)	32114	46089	64948
<b>Thị trường thực phẩm thành phố</b> (tỉ đồng)	19 458	30513	43703
<b>Thị trường thực phẩm</b> (tỉ đồng)	51 572	76602	108650

Nguồn: VLSS 93 và 98, VHLSS 2002, giá so sánh 1998, tính toán của M.Figue (nhóm MALICA).

Thị trường thực phẩm trong nước cũng trở nên rất quan trọng so với thị trường xuất khẩu. Từ năm 1993 đến 2002, tổng giá trị của thị trường thực phẩm trong nước đã tăng gấp đôi. Sự tăng trưởng của thị trường Việt Nam gắn liền với tăng trưởng dân số nhưng cũng có liên quan đến tăng chi tiêu của mỗi người dân. Tiêu dùng tăng lên không liên quan đến khối lượng thực phẩm tiêu thụ tăng lên và nhu cầu thị trường ngày càng tăng để cung cấp cho các vùng nông thôn cũng như các vùng thành thị. Chúng ta cần phải ghi nhận mức độ quan trọng của thị trường thành phố: năm 2002, thị trường được phân chia như sau: 60 % giá trị cho người tiêu dùng nông thôn và 40 % giá trị cho người tiêu dùng thành phố trong khi họ chỉ chiếm 20% tổng dân số.

Đối với thị trường nông thôn, mức độ tăng trưởng cũng đạt tăng trưởng gần gấp đôi từ năm 1993 đến 2002, đồng thời tỷ lệ lương thực thực phẩm đi mua cũng tăng từ 57% lên 72% trong cùng thời gian. Thị trường nông thôn có đòi hỏi chất lượng thấp hơn thị trường đô thị do đó cho phép tạo đầu ra cho các nông sản đạt chất lượng thấp của các hộ nông dân nghèo. Sự phát triển của thị trường trong nước đã dẫn đến đa dạng về nhu cầu chủng loại nông sản, làm động lực cho đa dạng hoá nông sản hàng hoá thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Hơn nữa mức tăng trưởng của nhu cầu trong nước lại rất tiềm năng và ổn định. Ngược lại thị trường xuất khẩu rất biến động và chỉ cho phép tập trung vào một số mặt hàng chủ lực.

### *Quá trình đa dạng hoá<sup>2</sup> trồng trọt, nông nghiệp và nông lâm ngư*

Sự phát triển của thị trường trong nước đã lôi kéo đa dạng hoá nông nghiệp. Về các **hệ số đa dạng** của trồng trọt vùng cao nhất là Đông Nam bộ, thấp nhất là Tây nguyên và ĐBSCL. Về đa dạng nông nghiệp hệ số cao nhất là các vùng Đông Nam bộ, Duyên hải Nam trung bộ và Đông bắc. Đối với khu vực nông lâm ngư nghiệp, các vùng có hệ số đa dạng cao nhất cũng là Đông Nam bộ, Duyên hải Nam trung bộ và Đông bắc, trái lại hệ số thấp nhất thể hiện chuyên môn hoá cao là Tây nguyên.

Cả nước có tăng hệ số đa dạng trong 7 năm 1996-2002, trong đó đa dạng hoá trồng trọt tăng nhanh nhất, rồi đến nông nghiệp và nông lâm ngư. Vùng tăng hệ số đa dạng cao nhất là vùng Đông Nam bộ, trong khi đó các vùng khác đều có xu hướng giảm đa dạng hoá.

---

<sup>2</sup> Hệ số đa dạng Simpson này là biến thể của hệ số đa dạng được dùng trong sinh thái học do Simpson đề nghị (Odum E.P., 1986). Hệ số này biến động từ 0 đến 1. Gần 1 thể hiện đa dạng hoá cao. Gần 0 thể hiện chuyên môn hoá.

$$D = \sum (X_{ij} / X_j)^2$$

ij j

X<sub>ij</sub> : giá trị sản lượng của sản phẩm j của vùng i.

ij

X<sub>j</sub> : giá trị trung bình của sản phẩm j trong toàn vùng lớn.

j



Vùng giảm hệ số đa dạng nhiều nhất là Tây nguyên, Đồng bằng sông Hồng, Bắc trung bộ và Đồng bằng sông Cửu long.

Bảng 4: Đa dạng hoá sản xuất nông lâm ngư nghiệp 1996 – 2002.

	HSDD Simpson TB trồng trọt	HSDD Simpson TB NN	HSDD Simpson TB NLN	Tốc độ tăng HSDD Simpson trồng trọt	Tốc độ tăng HSDD Simpson NN	Tốc độ tăng HSDD Simpson NLN
<b>Cả nước</b>	<b>0,58</b>	<b>0,71</b>	<b>0,80</b>	<b>0,89</b>	<b>0,77</b>	<b>0,64</b>
<b>ĐBSH</b>	<b>0,49</b>	<b>0,68</b>	<b>0,73</b>	<b>-4,51</b>	<b>-0,32</b>	<b>-0,02</b>
<b>Đông Bắc</b>	<b>0,56</b>	<b>0,73</b>	<b>0,80</b>	<b>-0,75</b>	<b>0,16</b>	<b>0,11</b>
<b>Tây Bắc</b>	<b>0,56</b>	<b>0,69</b>	<b>0,77</b>	<b>-0,55</b>	<b>-0,80</b>	<b>-0,41</b>
<b>Bắc Trung Bộ</b>	<b>0,51</b>	<b>0,69</b>	<b>0,79</b>	<b>-4,07</b>	<b>-0,82</b>	<b>-0,15</b>
<b>Duyên hải Nam Trung Bộ</b>	<b>0,55</b>	<b>0,71</b>	<b>0,81</b>	<b>-1,67</b>	<b>-0,01</b>	<b>0,12</b>
<b>Tây Nguyên</b>	<b>0,46</b>	<b>0,56</b>	<b>0,60</b>	<b>-6,02</b>	<b>-5,89</b>	<b>-5,57</b>
<b>Đông Nam Bộ</b>	<b>0,66</b>	<b>0,77</b>	<b>0,83</b>	<b>4,65</b>	<b>2,58</b>	<b>1,62</b>
<b>ĐBSCL</b>	<b>0,48</b>	<b>0,63</b>	<b>0,76</b>	<b>-3,50</b>	<b>-1,93</b>	<b>-0,33</b>

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2003)

### *Các yếu tố tác động đến chuyển đổi cơ cấu kinh tế*

Kết quả phân tích Thành phần chính<sup>3</sup> thể hiện trên 3 thành phần chính đầu tiên, cho phép giải thích 52,6 % thông tin của cơ sở dữ liệu.

Bảng 5: Hệ số tương quan giữa các biến và các trục chính 1996 – 2002

Thành phần I	Đa dạng hoá	Thành phần II	Nông nghiệp	Thành phần III	Đô thị hoá
Giải thích	25,49 %	Giải thích	14,56 %	Giải thích	12,45 %
Hệ số ĐD NN	0,839	Tốc độ tăng	0,775	Tốc độ tăng	-0,567

<sup>3</sup> Để nghiên cứu sự tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến CĐCCKTNNNT, sử dụng phương pháp Phân tích thành phần chính (Principal component analysis) là một công cụ của thống kê nhiều chiều cho phép phân tích tầm quan trọng của các yếu tố trong cơ sở dữ liệu và mối quan hệ tương quan của các nhóm yếu tố liên quan đến chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn nông nghiệp và các yếu tố giải thích quá trình này. Phân tích được thực hiện với 29 biến mô tả chuyển đổi cơ cấu kinh tế và 61 cá thể là các tỉnh thành trên toàn quốc. Số liệu được tính toán thể hiện sự thay đổi trung bình của các yếu tố trong giai đoạn nghiên cứu 1996 -2002.

		GT NN		GT CNHN	
Tốc độ tăng đa dạng NN	0,831	Tốc độ tăng GT CNLN	0,769	Tốc tăng CC dịch vụ GDP	-0,550
Tỷ lệ NLN trong GDP	- 0,805	Tốc độ tăng GT TT	0,744	Hệ số ĐD NLN	-0,547
Tốc độ tăng đa dạng NLN	0,748	Tốc độ tăng GT NLN	0,630	Tỷ lệ CNXD trong GDP	0,487
Hệ số ĐD TT	0,682	Tốc độ tăng GDP	0,576	Tốc độ đa dạng NLN	-0,485
Tốc độ tăng đa dạng TT	0,650	Hệ số ĐD TT	0,555	Tỷ lệ Dân số đô thị	0,483
Tỷ lệ CNXD trong GDP	0,635	Tốc độ tăng GT rau đậu	0,550	Tốc độ cơ cấu LĐNN	-0,461
Hệ số ĐD NLN	0,627	Tốc độ tăng đa dạng TT	0,538	Tỷ lệ LĐNN	-0,435

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2003)

Thành phần 1 quyết định 25,5 % của biến động có tương quan chặt với tốc độ tăng hệ số đa dạng nông nghiệp và hệ số đa dạng nông nghiệp. Có thể nói thành phần thứ nhất thể hiện vai trò quan trọng của **đa dạng hoá nông nghiệp, nông lâm nghiệp và trồng trọt** theo cùng chiều tương quan. Theo thành phần 1 thì hiện tượng đa dạng hoá nông lâm nghiệp biến thiên ngược chiều với tỷ trọng của nông lâm nghiệp cao trong GDP. Như vậy các tỉnh có tỷ trọng nông lâm nghiệp cao trong GDP đều chuyên canh, không phải là các tỉnh có đa dạng hoá của khu vực này cao. Trái lại, đa dạng hoá nông lâm nghiệp xảy ra khi kinh tế đã chuyển đổi cơ cấu, gắn liền với tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cao và giảm tỷ trọng nông nghiệp.

Thành phần 2 quyết định 14,6 % có thể nói là thành phần thể hiện các quan hệ bên trong của **khối nông nghiệp**. Tốc độ tăng của giá trị nông nghiệp tăng biến động cùng chiều với hệ số đa dạng cao thể hiện vai trò của đa dạng hoá trồng trọt đóng góp vào tăng giá trị nông nghiệp. Trong các nhóm cây thì cây công nghiệp lâu năm đóng vai trò rõ nhất trong đa dạng hoá, tiếp đến là nhóm cây rau đậu. Tăng trưởng nông nghiệp biến thiên cùng chiều với tốc độ tăng GDP, có nghĩa là nông nghiệp đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP trong giai đoạn vừa qua.

Thành phần 3 quyết định 12,5 % của biến động, có thể gọi là thành phần đô thị hoá. Tỷ lệ dân số đô thị và tỷ lệ công nghiệp trong GDP biến động cùng chiều. Quá trình này gắn liền với giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp. Tuy vậy các tỉnh có mức độ đô thị hoá cao thì có hệ số đa dạng nông lâm thủy sản thấp hơn do đất diện tích nông lâm nghiệp bị giảm sút. Các

cây công nghiệp hàng năm không phát triển ở các vùng đô thị hoá cao. Tốc độ tăng dịch vụ trong cơ cấu GDP không phụ thuộc vào đô thị hoá.

*Phân kiểu chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn Việt Nam*

Sự thay đổi của các yếu tố cơ cấu khá phức tạp vì nó liên quan chặt chẽ tới sự đa dạng sinh thái và kinh tế xã hội vùng ở Việt Nam. Việc phân kiểu<sup>4</sup> Chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho phép ta phân biệt các 5 kiểu chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn xếp theo thứ tự tăng dần của tốc độ chuyển đổi.

Bảng 6: Các kiểu chuyển đổi cơ cấu kinh tế của nước ta theo phân loại chùm.

<b>Kiểu chuyển đổi cơ cấu kinh tế</b>	Kiểu Tây Nguyên	Kiểu đồng bằng lớn	Kiểu miền núi và miền trung	Kiểu đô thị và các tỉnh công nghiệp phát triển	Kiểu công nghiệp hoá mới
Tỷ lệ TB NLN trong GDP	66,6	49,5	48,5	13,8	49,2
Tỷ lệ TB CN trong GDP	13,4	20,5	19,8	46,3	22,9
Tỷ lệ TB DV trong GDP	20,0	30,0	31,6	39,9	28,0
<b>Tốc độ tăng TB GDP</b>	<b>11,8</b>	<b>8,1</b>	<b>9,0</b>	<b>11,5</b>	<b>13,4</b>
Tốc độ giảm Tỷ lệ Cơ cấu GDP NLN	1,1	-2,5	-2,4	-6,2	-5,8
Tốc độ tăng Tỷ lệ Cơ cấu GDP CN	-1,4	5,1	4,7	3,7	15,6
Tốc độ tăng Tỷ lệ Cơ cấu GDP DV	-2,5	0,7	1,4	-2,4	0,3
Tốc độ giảm cơ cấu LĐ NLN	-1,3	-1,5	-1,3	-6,3	-2,0
Tỷ lệ TB LD NLN	77,0	66,6	74,5	38,5	64,8
Tốc độ tăng GTSXCN ngoài QĐ	8,7	11,0	12,3	18,7	29,0
Tốc độ tăng GTSXCN vốn nước ngoài	8,3	11,6	24,9	26,9	109,5
Tốc độ tăng GT NLN	16,7	8,9	8,9	7,9	11,2
Tốc độ tăng GT NN	17,6	5,7	8,8	5,8	11,6
Tốc độ tăng Trồng trọt	20,6	5,8	7,8	3,4	10,2
Tốc độ tăng cây LT	-6,8	10,5	7,5	-2,5	6,3
Tốc độ tăng cây rau đậu	15,9	-9,7	7,2	9,7	10,1
Tốc độ tăng cây CNHN	-1,7	-5,8	6,2	3,1	-7,2

<sup>4</sup> Để phân kiểu các xu hướng CĐCKTNNNT, sử dụng phương pháp phân loại chùm (Cluster analysis) với 3 trục chính đã xác định bởi Phân tích thành phần chính nêu trên.

Tốc độ tăng cây CNLN	78,7	-25,7	-8,8	0,7	4,6
Tốc độ tăng Chăn nuôi	1,9	2,7	13,9	14,8	15,6
Tốc độ tăng Thủy sản	15,3	20,4	17,0	15,9	16,8
Tốc độ tăng Lâm nghiệp	0,30	1,37	1,48	-3,36	-9,28
HSDD Simpson TB trồng trọt	0,45	0,41	0,55	0,60	0,51
HSDD Simpson TB NN	0,55	0,59	0,71	0,74	0,68
HSDD Simpson TB NLN	0,59	0,70	0,78	0,77	0,71
Tốc độ tăng HSDD Simpson TT	-5,9	-10,8	-1,8	1,2	-3,7
Tốc độ tăng HSDD Simpson NN	-5,7	-4,8	-0,2	1,1	-1,2
Tốc độ tăng HSDD Simpson NLN	-5,4	-2,2	0,0	0,4	-1,3
Tốc độ tăng DS đô thị	5,4	3,8	4,3	5,2	10,9
% DS thành thị TB	27,7	17,7	15,7	48,8	10,6

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2003)

**Kiểu Tây Nguyên, chuyển đổi cơ cấu kinh tế chậm:** đây là vùng có tăng trưởng nhanh nhờ chuyên môn hoá cây công nghiệp lâu năm như cà phê, tuy nhiên đa dạng hoá nông nghiệp giảm mạnh. Sản phẩm chủ yếu là nguyên liệu thô cà phê, ít chế biến công nghiệp, do vậy làm chậm quá trình chuyển đổi cơ cấu. Lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao. Kiểu chuyển đổi cơ cấu này bao gồm các tỉnh Tây Nguyên ngoại trừ Công Tum do tỉnh này vẫn mang các đặc điểm của các tỉnh miền núi chậm phát triển.

**Kiểu đồng bằng lớn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế trung bình:** đây là các vùng thâm canh lúa cao của một số tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Kiểu này có tăng trưởng GDP với tốc độ thấp nhất so với các vùng khác giảm đa dạng hoá nông lâm ngư nghiệp và do đó chuyển đổi cơ cấu kinh tế chỉ ở mức trung bình.

**Kiểu miền núi và miền trung, chuyển đổi cơ cấu kinh tế trung bình:** đây là kiểu đa dạng hoá sản xuất nông lâm nghiệp của các tỉnh nghèo, có số tỉnh lớn nhất bao gồm 33 tỉnh ở các vùng khác nhau trên toàn quốc. Kiểu này có đa dạng hoá nông lâm nghiệp cao nhưng lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao. Các tỉnh này có mức tăng trưởng trung bình, cao hơn các tỉnh thâm canh lúa thuần túy chính nhờ vào tình hình đa dạng hoá nên ít bị ảnh hưởng bởi giảm giá lúa trong thời gian qua. Các tỉnh thuộc kiểu này về thực chất chưa xác định được chiến lược chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế chủ yếu tự phát. Việc tập trung rất đông các tỉnh thuộc kiểu chuyển đổi này cho thấy sự lúng túng trong việc xác định chiến lược chuyển đổi cơ cấu kinh tế của đa số địa phương. Để tìm được giải pháp cho các địa phương này cần đi sâu tìm hiểu các điều kiện đa dạng của các địa phương trong các nghiên cứu ở các phần tiếp sau.

**Kiểu đô thị và các tỉnh công nghiệp phát triển, chuyển đổi cơ cấu kinh tế khá nhanh:** đây là các thành phố lớn và các tỉnh có tỷ trọng công nghiệp cao và tăng trưởng GDP cao nằm ở các vùng sinh thái khác nhau. Đa dạng hoá nông nghiệp tăng theo nhu cầu của thị trường. Lao động nông nghiệp được rút ra khá nhanh. Kiểu này bao gồm các thành phố lớn cộng thêm Bình Dương và Đồng Nai. Do bị ảnh hưởng mạnh bởi đô thị hoá và công nghiệp hoá nên quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của các tỉnh này ít bị ảnh hưởng bởi điều kiện sinh thái vùng hơn.

**Kiểu công nghiệp hoá mới, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhanh:** đây là các tỉnh nông nghiệp nhưng mới bắt đầu công nghiệp hoá với sự đóng góp của vốn đầu tư nước ngoài nên có tốc độ tăng công nghiệp cao, giảm lao động nông nghiệp khá. Các tỉnh này có tốc độ đô thị hoá cao nhưng đô thị còn nhỏ và chiếm tỷ lệ dân số còn ít. Tăng trưởng GDP của các tỉnh này cao nhất nhờ sự đóng góp của công nghiệp hoá. Do mới bắt đầu quá trình công nghiệp hoá và có chính sách thu hút đầu tư tốt nên tốc độ tăng trưởng nhanh hơn kiểu đô thị và các tỉnh công nghiệp.

Trong các vùng chuyển đổi cơ cấu kinh tế chậm là các kiểu Tây Nguyên và kiểu đồng bằng lớn có hai nhóm nguyên nhân. Các vùng sản xuất nông sản chuyên canh nhằm mục tiêu xuất khẩu như đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên đều có sự chuyển đổi kém do chuyên môn hoá quá sâu vào sản xuất nông sản sơ cấp và công nghiệp kém phát triển. Trong khi đó các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc và miền trung do sản xuất nông sản hàng hoá phát triển yếu và công nghiệp kém phát triển nên không thúc đẩy được chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chỉ đạt mức trung bình. Sản xuất nông lâm nghiệp đa dạng do tình trạng sản xuất nhỏ tự cấp khá phổ biến, sản xuất nông sản hàng hoá còn gặp nhiều khó khăn.

Bảng 7: Phân bố các tỉnh theo các kiểu chuyển đổi cơ cấu kinh tế

Số	Kiểu chuyển đổi	Các tỉnh
1	<b>Kiểu Tây Nguyên</b>	Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng
2	<b>Kiểu đồng bằng lớn</b>	Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Lai Châu, Thừa Thiên-Huế, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.
3	<b>Kiểu miền núi và miền trung</b>	Hà Tây, Hải Dương, Thái Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh, Sơn La, Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Công Tum, Bình Thuận, Ninh Thuận, Tây Ninh, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre.
4	<b>Kiểu đô thị và các tỉnh công nghiệp phát triển</b>	TP Hà Nội, TP Hải Phòng, TP Đà Nẵng, Khánh Hoà, T.P Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu.
5	<b>Kiểu công nghiệp hoá</b>	Hung Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bình Phước

	<b>mới</b>	
--	------------	--

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2003)

### *Mô phỏng chuyển đổi cơ cấu kinh tế đến 2020*

Để giúp cho việc hoạch định chiến lược phát triển đến năm 2020 nghiên cứu này đã sử dụng **Mô hình cơ cấu kinh tế vĩ mô** để đưa ra một số mô phỏng về cách tiến hành công nghiệp hóa đi đôi với đô thị hóa và phát triển nông thôn xem nó ảnh hưởng đến cơ cấu ngành của tổng sản phẩm quốc nội (GDP), giữa nông nghiệp và phi nông nghiệp và về cơ cấu giữa 2 khu vực nông thôn và thành thị. Sau đó mô phỏng này cho phép tính toán các thành phần liên quan đến GDP như lao động, thu nhập, nhu cầu lương thực thực phẩm, đất đai, sản lượng của một số sản phẩm nông nghiệp.

Mô hình đã sử dụng 3 phương án mô phỏng: xu thế, công nghiệp hoá tập trung ở đô thị và công nghiệp hoá phân bố trong nông thôn.

Kết quả mô phỏng trên cho thấy trong điều kiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế giữa các khu vực kinh tế như nhau, việc công nghiệp hóa phân bố cả ở đô thị lẫn nông thôn (công nghiệp hóa phi tập trung sẽ làm cho việc chuyển đổi cơ cấu lao động tiến hành nhanh hơn, thúc đẩy việc giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đồng thời làm tăng năng suất lao động nông nghiệp cũng như tăng thu nhập của nông dân nhanh hơn, làm giảm khoảng cách thu nhập giữa đô thị và nông thôn. Theo quan điểm của đề tài chiến lược công nghiệp hoá phi tập trung phù hợp hơn và khả thi đối với các vùng đồng bằng đông dân.

Bảng 8: So sánh kết quả của 3 phương án mô phỏng

Chỉ tiêu	Phương án	Xu thế	Nông thôn	Nông thôn	
				Nông nghiệp	Phi nông nghiệp
GDP	Xu thế	68,2	31,8	30,1	69,9
	CNH đô thị	80,5	19,5	49,0	51,0
	CNH nông thôn	57,8	42,2	22,6	77,4
Lao động	Xu thế	34,3	65,7	30,1	69,9
	CNH đô thị	36,7	61,3	49,0	51,0
	CNH nông thôn	27,4	72,5	22,6	77,4
Thu nhập/ người	Xu thế	2293	1188	-	-
	CNH đô thị	2278	1328	-	-
	CNH nông thôn	2310	2267	-	-

## **4. Kết luận và một số kiến nghị về chính sách chuyển đổi cơ cấu kinh tế**

### *Kết luận hiện trạng chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn*

Chuyển đổi cơ cấu GDP nhìn chung diễn ra chậm và chưa thực sự thể hiện rõ trong các yếu tố cơ cấu như lao động, vốn. Lao động chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp kém, chủ yếu chuyển sang dịch vụ. Vốn đầu tư cho đa dạng hoá sản xuất nông sản chưa tập trung và còn ít, chủ yếu do dân, ít được đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Về xu hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo lãnh thổ, ta thấy các tỉnh trong cùng một vùng sinh thái không có xu hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế hoàn toàn đồng nhất là do bên cạnh các yếu tố sinh thái thì mức độ đô thị hoá, công nghiệp hoá và chính sách địa phương của các tỉnh rất khác nhau. Đa số các địa phương lúng túng trong việc xác định chiến lược chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Cần tập trung nghiên cứu chính sách điều chỉnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở cấp toàn quốc và cấp tỉnh.

Thị trường xuất khẩu nông sản đóng góp vào tăng trưởng nông nghiệp, nhưng chưa đóng góp lớn vào chuyển đổi cơ cấu do chủ yếu xuất khẩu nông sản thô nên chưa có tác dụng thúc đẩy công nghiệp chế biến, trong khi thị trường trong nước có vai trò ngày càng tăng trong việc thúc đẩy đa dạng hoá nông sản, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Các vùng có tăng trưởng kinh tế cao như vùng Tây Nguyên không phải là các vùng chuyển đổi cơ cấu mạnh do chuyên môn hoá cây công nghiệp, tuy nhiên tăng trưởng có nguy cơ kém bền vững, đặc biệt là hệ thống sản xuất nông hộ. Sự bền vững của hệ thống sản xuất nông hộ là điều kiện cho bền vững của cấp vùng.

Các vùng xuất khẩu nông sản mạnh nhất như Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên không phải là vùng chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhanh. Trái lại, thâm canh lúa như đồng bằng sông Cửu Long lại có mức tăng trưởng thấp nhất do giá lúa giảm thường xuyên.

Đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp đóng góp thiết thực vào chuyển đổi cơ cấu kinh tế và là quá trình đi cùng với chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Vùng có chuyển đổi cơ cấu kinh tế mạnh thì sản xuất nông nghiệp đa dạng hơn như vùng ven các đô thị.

Đa dạng hoá hoạt động kinh tế nông thôn dẫn đến chuyển đổi cơ cấu lao động theo xu hướng giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng năng xuất lao động như Đông Nam Bộ, tuy vậy đào tạo nghề là một điều kiện quan trọng để lao động có thể chuyển đổi thuận lợi hơn.

Trong giai đoạn 1996 - 2002, có hai kiểu chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhanh là các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Bình Dương, có công nghiệp hóa mới phát triển và các đô thị lớn do thúc đẩy của công nghiệp hoá và đô thị hoá.

#### *Các thách thức trong giai đoạn trước mắt*

Để thực hiện quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, có 4 thách thức nảy sinh mà trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn cần phải vượt qua :

*Môi trường nông thôn bị huỷ hoại do thâm canh và sử dụng quá mức các yếu tố đầu vào*

*Phát triển không cân đối giữa các vùng lãnh thổ, giữa đô thị và nông thôn*

*Công nghệ sản xuất và chế biến lạc hậu*

*Sức cạnh tranh thấp trong điều kiện gia nhập WTO do quy mô sản xuất nhỏ, thể chế lạc hậu*

Các thách thức trên đây được giải quyết trong 4 quá trình chính của phát triển kinh tế Việt Nam là:

*Áp lực dân số và nhu cầu thức ăn còn tiếp tục tăng lên.*

*Hiện tượng di cư từ nông thôn ra thành thị ngày một tăng lên*

*Quá trình đổi mới công nghệ đang diễn ra khá chậm*

*Quá trình hội nhập thị trường quốc tế đang đến gần*

Các định hướng giải pháp của 4 quá trình này là:

*Tìm kiếm kỹ thuật canh tác hợp lý và bền vững*

*Phát triển cân đối nông thôn-đô thị, công nghiệp hoá nông thôn*

*Nghiên cứu phát triển các công nghệ thích ứng, phù hợp với hoàn cảnh*

*Đa dạng thị trường mới trong nước và ngoài nước thông qua chiến lược đa dạng hoá sản xuất.*

*Kiến nghị các định hướng chiến lược chuyển đổi cơ cấu kinh tế chung toàn quốc và cơ cấu kinh tế nông thôn*

Các tổng kết về lý luận, kinh nghiệm trên thế giới của nhiều nước và các kinh nghiệm của Việt Nam ở một số địa phương cho thấy để thúc đẩy được nền kinh tế, trong đó có kinh tế nông thôn và nông nghiệp cần phải xây dựng một chiến lược có tính lâu dài với các biện pháp chính sách đồng bộ và toàn diện cho toàn quốc và cho các vùng sinh thái đa dạng khác nhau. Từ một nền kinh tế mà công nghiệp và dịch vụ mới bắt đầu giai đoạn tăng trưởng mạnh cần phải có một nền nông nghiệp tăng trưởng ổn định và đáp ứng được các nhu cầu lương thực và thực phẩm của xã hội. Quá trình này là xu thế tự nhiên của nền kinh tế, nhưng để quá trình chuyển đổi diễn ra nhanh và đúng hướng thì nông nghiệp cần có những chiến lược đồng bộ với chiến lược phát triển của các khu vực khác. Căn cứ vào kinh nghiệm của các nước đi trước và của nước ta trong thời kỳ Đổi mới và các nghiên cứu về chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, chúng tôi **kiến nghị** 5 định hướng chiến lược cần chú ý làm cơ sở cho xây dựng chính sách phát triển:

**Giúp các hộ nông dân nghèo chuyển từ tình trạng tự cấp sang sản xuất hàng hóa**



Quy luật phát triển của kinh tế hộ nông dân là từ sản xuất tự cấp sang sản xuất hàng hóa. Sau Đổi mới nền kinh tế hộ nông dân phát triển tương đối nhanh, tuy vậy tỷ lệ các hộ nông dân tự cấp, chủ yếu là các hộ nghèo còn khá cao, nhất là ở các vùng khó khăn. Nội dung chủ yếu của việc chống nghèo khổ là giúp các hộ này chuyển sang sản xuất hàng hóa. Hiện nay có ý kiến cho rằng muốn chống nghèo khổ phải tạo thị trường ở nông thôn. Chúng tôi cho rằng sở dĩ các hộ nông dân tự cấp chưa tiếp xúc được thị trường không phải vì chưa có thị trường mà vì họ còn gặp các cản trở vì thiếu nhân tố sản xuất hay vì không biết làm ăn. Vì vậy muốn thúc đẩy sự phát triển của các hộ này cần có các tổ chức nông dân đơn giản tiền hợp tác xã, dựa chủ yếu vào sự tương trợ như các nhóm chăn nuôi, tổ sản xuất, tủ thuốc thú y, nhóm tín dụng, câu lạc bộ khuyến nông ... tức là các thể chế phi thị trường để giúp nông dân tiếp xúc với thị trường. Chính đây là các biện pháp giảm nghèo hữu hiệu nhất.

### **Đa dạng hóa sản xuất để tạo việc làm và tăng thu nhập của nông dân.**

Các nghiên cứu về kinh tế hộ nông dân cho thấy nông dân nghèo có xu hướng đa dạng hóa thu nhập. Nhu cầu sản phẩm nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa tăng lên nhanh và đa dạng hơn. Thị trường nông sản biến động mạnh về giá cả, gây nhiều rủi ro cho nông dân, mà biện pháp hữu hiệu nhất để tránh rủi ro là đa dạng hóa. Vì vậy việc phát triển kinh tế hộ nông dân phải là đa dạng hóa. Xu hướng quy hoạch nông nghiệp dựa vào lợi thế cạnh tranh cao, xây dựng các vùng thâm canh hiện nay trái ngược với chiến lược đa dạng hóa, dẫn đến rủi ro cao, gây khó khăn cho việc phát triển. Xu hướng chỉ chú ý đến xuất khẩu, coi nhẹ việc phát triển thị trường trong nước cũng trái với chiến lược đa dạng hóa. Kinh nghiệm cho thấy sản xuất cho thị trường trong nước bằng đa dạng hóa tạo được sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế cao hơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy nông dân giàu chuyên môn hóa sản xuất còn nông dân nghèo đa dạng hóa. Cần phối hợp chuyên môn hóa và đa dạng hóa và kết hợp giữa sản xuất để xuất khẩu và cho thị trường trong nước.

Tuy nhiên để đạt được mục tiêu trên chiến lược phát triển nông nghiệp trước mắt cần hướng vào thị trường trong nước bằng cách đa dạng hoá sản xuất như trường hợp của đồng bằng sông Hồng. Trên cơ sở một nền kinh tế nông nghiệp có khả năng đa dạng hoá mạnh và thích nghi với sự thay đổi của thị trường về cả chất lượng và số lượng, chiến lược đa dạng hoá nông sản xuất khẩu mới có khả năng thực thi một cách bền vững. Kinh nghiệm của ĐB sông Cửu long và Tây nguyên cho thấy nếu tập trung vào chuyên môn hoá xuất khẩu quá sớm sẽ không thúc đẩy được chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Hậu quả là phân hoá xã hội tăng cao và rủi ro của kinh tế vùng ngày càng tăng, phụ thuộc thị trường. Như vậy đối với các vùng chuyên môn hoá xuất khẩu nông sản thô như lúa ở ĐB sông Cửu long và cà phê ở Tây nguyên cần thay đổi chiến lược nhằm thúc đẩy đa dạng hoá nông nghiệp để giảm rủi ro.

Thực chất hai định hướng chiến lược trên gắn chặt với nhau trên thực tế và có thể sử dụng chung các công cụ chính sách. Chúng tôi đề xuất các chính sách cần thiết áp dụng để thực hiện 2 định hướng chiến lược trên là :

Thúc đẩy nghiên cứu đa dạng các loại cây trồng, vật nuôi, kết hợp bảo tồn và khai thác tốt đa dạng sinh học, phát triển chế biến đa dạng sản phẩm...

Đẩy mạnh nghiên cứu sâu về hoạt động của thị trường, các ngành hàng, chuỗi giá trị và các xu hướng biến động của tiêu dùng...

Phát triển hệ thống dịch vụ công và dịch vụ tập thể cho sản xuất của hộ nông dân, tạo khả năng tham gia không phân biệt của người nghèo đối với khuyến nông, tín dụng, đào tạo, xúc tiến thương mại...

Thúc đẩy phát triển địa phương có sự tham gia của người dân địa phương và phân cấp quản lý trong hành chính.

Thúc đẩy phát triển các làng nghề chuyên môn hoá nông nghiệp hay phi nông nghiệp trong cùng một vùng.

Thúc đẩy quá trình hợp tác của các hộ nông dân quy mô nhỏ trong sản xuất và kinh doanh thông qua hợp tác xã chuyên ngành, hiệp hội, nhóm tổ...

### **Xây dựng các thể chế thị trường đa dạng, hoàn thiện dần thể chế thị trường.**

Muốn có một thị trường nông thôn phát triển hoàn chỉnh phải có một hệ thống thể chế thị trường đa dạng và hiệu quả. Hệ thống thể chế này phải có cơ sở hạ tầng và luật pháp bảo đảm cho nó hoạt động. Các thể chế thị trường hiện nay thường cho chi phí trao đổi cao. Xu hướng của sự phát triển thể chế thị trường là giảm dần chi phí trao đổi. Trong các tác nhân hoạt động trên thị trường thì nông dân là tác nhân bị thiệt thòi nhất vì họ chưa có khả năng mặc cả. Muốn hoàn thiện thể chế thị trường phải có nhiều hình thức thể chế đa dạng để tùy xã hội lựa chọn thể chế nào hữu hiệu nhất. Ngoài các thể chế như nông nghiệp hợp đồng giữa công ty và nông dân, cần có các thể chế giúp nông dân tham gia vào thị trường như hợp tác xã, hiệp hội, thương nghiệp công bằng, thể chế quản lý chất lượng nông sản (thương hiệu, tên gọi xuất xứ)...

Để phát triển thể chế thị trường cần đẩy nhanh việc hoàn chỉnh các văn bản luật pháp làm môi trường hoạt động cho trao đổi của thị trường, bên cạnh đó cũng cần có hệ thống đào tạo và tư vấn cho các tác nhân, đặc biệt là nông dân tham gia vào thị trường. Bên cạnh đó cần thúc đẩy sự phát triển của các thể chế phi thị trường mang tính xã hội và tương trợ như hiệp hội, hợp tác xã... để điều tiết sự phân hoá xã hội do cơ chế thị trường gây nên.

### **Xây dựng hoạt động phi nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, tạo việc làm cho nông dân**

Trong quá trình công nghiệp hóa, chỉ riêng công nghiệp đô thị và các khu công nghiệp không thu hút được hết lao động tăng thêm ở nông thôn để tạo điều kiện cho việc giảm lao động nông nghiệp. Kinh nghiệm cho thấy cần phải đẩy mạnh việc phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn, trong đó có công nghiệp nông thôn. Ở nước ta đã có một hệ thống làng nghề tương đối phát triển. Gần đây các làng nghề đã phục hồi, phát triển thêm

và đổi mới để giải quyết việc làm cho nông dân. Ở nhiều nơi các làng nghề đã phát triển thành các cụm công nghiệp để phát triển thành các xí nghiệp vừa và nhỏ, dựa chủ yếu vào nội lực địa phương có tính năng động và óc kinh doanh sáng tạo của địa phương là một nhân tố mới trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn. Các cụm công nghiệp là một hình thức thể chế mới dựa trên hợp tác và tương trợ. Yêu cầu về phát triển bền vững chỉ giải quyết được nếu có những địa phương năng động và mềm dẻo như vậy. Nhà nước địa phương và trung ương nên hỗ trợ và tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho quá trình này phát triển tạo nên việc công nghiệp hóa nông thôn. Cần xác định chiến lược thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu lao động song song với cơ cấu ngành, chú ý đến việc đảm bảo việc làm cả trong môi trường nông thôn. Chiến lược này còn có liên quan chặt chẽ đến chiến lược lựa chọn công nghệ sử dụng nhiều lao động. Các chính sách cần thiết là:

- Tập trung ưu tiên phát triển mạng lưới đào tạo nghề cho nông dân theo hướng chuyên nghiệp hoá và khuyến nông về kinh tế xã hội cho nông dân về các nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp ;

- Phát triển thị trường lao động và mạng lưới thông tin việc làm ;

- Kết hợp các chính sách lao động và việc làm với chính sách tín dụng.

**Cần tiến hành đô thị hóa như thế nào để lôi kéo cả sự phát triển nông thôn, liên kết công nghiệp và nông nghiệp.**

Quá trình đô thị hóa là một quá trình tất yếu của phát triển. Chỉ sau mười năm nữa dân số đô thị sẽ chiếm một nửa dân số của nước ta. Ở các nước đi trước phần nhiều lúc công nghiệp hóa và hiện đại hóa, nông nghiệp giảm sút và đều phải nhập thực phẩm từ nước ngoài. Hiện nay việc quy hoạch phát triển của hai khu vực đô thị và nông thôn được tiến hành riêng rẽ ít có quan hệ với nhau. Xu hướng chung của thế giới là phát triển việc công nghiệp hóa và đô thị hóa phi tập trung theo mô hình "desakota" (theo tiếng Indonexia, desa là nông thôn, kota là đô thị). Mô hình này phát triển các đô thị vùng trong đó chỉ có các đô thị trung bình và các thị trấn nhỏ làm trung tâm cho việc phát triển vùng nông thôn xung quanh, phá bỏ ranh giới giữa hai khu vực này. Chiến lược công nghiệp hoá đi theo hướng phi tập trung, tạo ra nhiều đô thị nhỏ trong khu vực nông thôn để có thể phân bố đều trên lãnh thổ và tạo ra được việc làm trong khu vực nông thôn, góp phần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn

Chính sách phát triển các khu vực nông nghiệp và công nghiệp cần phải đồng bộ và dựa trên một chiến lược phát triển chung của vùng mới thúc đẩy được chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Thúc đẩy nghiên cứu phát triển nông nghiệp ven đô thị bền vững song song với quá trình đô thị hoá, tránh tình trạng đầu cơ ruộng đất làm giảm sút việc phát triển nông nghiệp

Cần tăng cường năng lực quản lý thị trường đất đai cho các cấp và áp dụng chính sách phân chia lợi tức của đất đai một cách thỏa đáng cho nông dân khi thay đổi mục đích sử dụng đất sang công nghiệp và dịch vụ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chenery H., 1988. *Structural transformation, Handbook of development economics*, Volume 1, North -Holland, 197-202.
2. Doving F., 1959. *The share of agriculture in a growing population*, FAO, monthly bulletin of agricultural economics and statistics, No8,
3. Fisher A.G.B., *The clash of progress and security*, London, Macmillan, 1935. Clark c., *The conditions of economic progress*, London, Macmillan, 1940.
4. Hayami Y., 1986. *Agricultural protectionism in the industrialized world: the case of Japan*, East-West Center, Honolulu,
5. Hayami Y., Ruttan V.W., 1985. *Agricultural development-An international perspectives*, Johns Hopkins University Press.
6. Klatzman et al. (eds), 1971. *The role of Group Action in the Industrialization of the Rural Areas*, Praeger publishers.
7. Kuznets S., 1971. *Economic growth of Nations: Total Output and Production Structure*, Harvard University Press, Cambridge.
8. Mellor J.W., 1995. *Agriculture on the Road to Industrialization*, John Hopkins University Press, Baltimore.
9. Syrquin M., 1988. *Patterns of structural change, Handbook of development economics*, Volume 1, North -Holland, 203-273.
10. Timmer C. P., 1988. *The Agricultural transformation, Handbook of development economics*, Volume 1, North -Holland, 275-331.
11. Todaro M.P., 1982. *Economic development in the third world*, Longman, Newyork-London.
12. Nguyễn Thế Nhã, 2000. *Chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất ở vùng đồng bằng sông Hồng*. Tham luận ở hội Thảo Việt - Nhật, Ngày 8-9/tháng 12 năm 2000.
13. Đặng Kim Sơn, Hoàng Thu Hoà (Chủ biên). *Một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn*. CIEM, Nhà xuất bản thống kê, H, 143 trang.
14. Stiglitz J. và Yusuf S. (Chủ biên), 2002. *Suy ngẫm lại sự thần kỳ Đông á*. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, H, 659 trang.

15. Lê Quốc Sử, 2001. *Chuyển dịch cơ cấu và xu hướng phát triển của kinh tế nông nghiệp Việt Nam theo hướng CNH, HĐH từ thế kỷ XX sang thế kỷ XXI trong thời đại Kinh tế tri thức*. Nxb thống kê, H, 382 trang.
16. Lê Đình Thắng (Chủ biên), 1998. *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*. Nxb Nông nghiệp, H, 268 trang.
17. Phạm Đức Thành, Lê Doãn Khải, 2002. *Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH ở vùng Đồng bằng bắc bộ nước ta*. Nxb Lao động, H, 188 trang.
18. Lê Việt Đức, 2002. *Phát triển Nông nghiệp và nông thôn trong chiến lược phát triển kinh tế chung của đất nước*. Hội thảo chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn 3/2002.
19. Đào Thế Tuấn, Đào Thế Anh, Vũ Trọng Bình. *Cơ sở khoa học của sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn*. Hội thảo chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, 3/ 2002.
20. Nguyễn Điền, 1997. *Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn các nước châu Á và Việt Nam*. Trung tâm châu Á Thái Bình Dương, Nxb Chính trị quốc gia, 286 trang.
21. Nguyễn Đình Phan, Trần Minh Đạo, Nguyễn Văn Phúc, 2002. *Những biện pháp chủ yếu thúc đẩy công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng Sông Hồng*, Nxb Chính trị quốc gia, H, 275 trang.
22. Hoàng Ngọc Hoà. *Phối hợp một số chính sách kinh tế vĩ mô nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, H, 152 trang.
23. Frank Ellis, 1995. *Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển*, Nxb Nông nghiệp, H, 1995, 436 trang.
24. Nguyễn Đình Hương, 1999. *Sản xuất và đời sống của các hộ nông dân không có đất hoặc thiếu đất ở ĐBSCL*. Nxb Chính trị quốc gia, H, 1997, 615 trang.
25. TCTK. 2003. *Kết quả Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2001*. Nxb Thống kê. 719 trang.
26. Đào Thế Tuấn, 1997. *Kinh tế hộ nông dân*, Nxb Chính trị quốc gia, H, 1997, 256 trang.
27. Đào Thế Tuấn, Lê Thị Châu Dung. 1996. *Mô hình mô phỏng an toàn lương thực và đa dạng hoá nông nghiệp Việt Nam*. Tài liệu nội bộ của VASI.
28. Đào Thế Anh, Franck Jesus. 1998. *Nông nghiệp ĐBSH trong quá trình cải cách kinh tế*. Tập san nông nghiệp. Tháng 9-10/1997. Paris.
29. Đào Thế Anh, Du Văn Châu và Lê Hoài Thanh. 1999. *Phân hoá và động thái của hộ nông dân. Trong: Kỷ yếu Hội thảo Nông nghiệp gia đình và quản lý các nguồn lợi tự nhiên ở Châu thổ sông Hồng*. VASI- GRET. Nxb Nông nghiệp. Trang 9-23.

30. Đào Thế Anh. *Hộ nông dân và các cản trở gặp phải trong quá trình đa dạng hoá hoạt động kinh tế ở ĐBSH*. 2000. Trong: Kết quả nghiên cứu khoa học năm 2000. Viện KHKTNNVN. Nxb NN. Trang 221-233.
31. Đào Thế Anh. 2003. *Cải cách kinh tế xã hội và sự thích ứng của hộ nông dân thông qua lựa chọn hoạt động kinh tế*. Luận án tiến sỹ ENSAM, Montpellier, Pháp. 400 trang.
32. Đào Thế Anh, Moustier P. và Figue M., 2003. *Thị trường thực phẩm và phát triển nông nghiệp*. (tiếng Anh và Pháp). 2003. 108 trang.

# SCIENTIFIC BASE OF ECONOMIC STRUCTURAL CHANGES: RECENT SITUATION AND DETERMINANT FACTORS IN VIETNAM<sup>5</sup>

PhD. Dao The Anh (CASRAD), Prof. Dao The Tuan (PHANO), PhD. Le Quoc Doanh  
(NOMAFSI)

## 1. Introduction

Economic structural change in Vietnam in the late of 1980s had a significant decrease in industrial proportion (which used much capital and little labour) and an increase in agricultural proportion (which used little capital and much labour). However, in the early of 1990s, there was a strong industrialization accompanied with a decrease in agricultural proportion and an explosion in service field. From the late of 1990s to this day, we can see that the industrialization has been hastened while the proportion of both agriculture and service have had a relatively decrease.

Structural change in agricultural and rural economy is a complicated phenomenon which need to be studied based on complete arguments and analysis by multi-factor methods. The assessment of economic structural change in our country mainly took place in the period of 1996 – 2002, in which changing process was relatively clear in some areas.

## 2. Theoretical basis of economic structural change.

According to H. Chenery (1988), the concept of economic structural change is that the changes in economic structure and institution necessary for continuous growth of gross domestic product (GDP), including the accumulation of material and human resources, the change of demand, production, distribution and employment. Besides, these are accompanied by such socio-economic processes as urbanisation, population fluctuation, and changes in personal income. The concept of economic structural change is used with the same meaning of the phrase “economic structural transformation” in some other documents, these both refer to the change in the economic structure by nature. Fisher (1935) distinguished three economic sectors: primary (agriculture), secondary (industrial) and third (service); and in the development of employment and investment, the primary sector was changed to the secondary sector and partly to the third sector. Clark (1940) developed that labour productivity in these sectors itself decided the transformation of labour from low productivity sectors to highers.

Along with the general economic structural change, there is a change in agriculture’s economic structure; and these two processes could not be separate.

---

<sup>5</sup> Report of national level scientific research KC.07.17: Study scientific base of rural and agricultural economic structural change in the direction of industrialisation and modernisation.

**Economic structural change in agriculture** depends on structural change of the entire economy. Base on statistical studies in many countries all over the world, there is a close interrelation between the growth of agricultural areas and non-agricultural areas: 1% of growth in agriculture corelates 4% of growth in non-agriculture.

The common trend of agricultural development in many countries is concentrate in self-sufficient food crops, then turn to produce forage and livestock, and then oil-bearing crops, protein plants, vegetables and fruits.

The development of agriculture governed by two effects:

- Engel effect, constructed based on micro-economic of consumption, believe that the demand for agricultural products increases at first when people's income increases, but this will be saturated sometime and the demand will no longer increases. Ratio between the increase in income and that in demand is called elastic coefficient. This coefficient increases at first, then decreases at a certain point of time. When the demand is saturated, it is necessary to diversify products in order to develop agriculture.

- Malassis effect believes that someday, the proportion of population who serve for food will increase not in agriculture sector but in non-agriculture one. Therefore, the value increased in processing industry will exceed agricultural value. According to Malassis, the demand for agriculture increase slower than that for producing and processing food.

Experience from several countries shows that if we want to develop, it is necessary to apply technical and institutional innovation in order to create more income from agricultural sector. It must has a mechanism to transfer income among areas in order to develop. Market is the tool to transfer income. It need to have a perfect market which can reflect the relationship between supply and demand. Income transfered from agriculture to industry must be used to produce materials which help to improve agricultural technique (Y. Hayami, V. Ruttan, 1985).

The biggest challenge to the economic structural change is to cut down labour from agriculture and rural areas. If labour can not be cut down, then the labour productivity and income can not increase. There are three types of labour transformation all over the world during its development:

- Reduce both the quantity and the percentage of agricultural labour as developed countries.

- Reduce the percentage of agricultural labour but increase absolutely the quantity of agricultural labour like Parkistan, Philipines, Brazil, Mexico, Turkey, and Egypt.

- Increase both the quantity and the percentage of agricultural labour like India and Syria.



Vietnam is now of the second type. For countries belong to the second and the third type, development of rural industry is indispensable (Klatzman, 1971).

**The role of institution** in economic structural changing process is also asserted. Recently, North (1997) claimed that it is necessary to analyse the collapse of the socialist camp and the transformation of economies based on the opinion of institutional and conscious approach. In order to do this, North introduced some points as follows:

This is the combination of formal regulations and unformal standards and specific characteristics in implementing that forms economic activities. While regulations can be changed immediately, standards will only be changed step by step. Therefore, when formal regulations of one economy change, the other economy will operate in a different way for different unofficial standards and implement. Thus, the transformation of economic and political regulations from the West market economies to developing countries is not the sufficient condition for a good economic dynamic. Privatization is not an elixir for a bad economic dynamic.

Political activities remarkably contribute to create economic dynamics because they define economic regulations and effect these regulations. Therefore, one important part of development's policy is to make regimes which create and validate full ownerships. It is necessary to study to model regimes of changing countries. Informal norms (standards, habits, and rules of conduct) create good conditions to develop, sometimes can create economic growth even when existing unstable or disadvantageous political regulations.

The important element for long-term growth is the effect in the aspect of adaptability but is not that in the aspect of distribution. All successful political economies are related to flexible institutional structures which can live through mutations and changes, and are a part of successful evolution.

Author's concept of rural economic structural change.

Rural and agricultural economic structural change presented in production's diversification, completely agricultural development in order to satisfy the increasing demand for consumption and develop non-agricultural career to cut down labour in agriculture and rural areas, and increase agricultural labour productivity and farmer households' income.

Base on this basis, main contents of rural economic structural change' process in Vietnam next time are defined as follows:

- Increase food crops' productivity in order to solve problems of food security and eradicate hunger and alleviate poverty.

- Change cropping pattern and develop forage plants in order to motivate livestock and aquaculture.

- Change cropping pattern, diversifying cash crops, such as vegetables, fruit trees, annual and perennial industrial trees in order to serve for domestic market and diversifying exports.

- Motivate the diversification of crops and that intra-branch by means of processing in specialization's areas where are under high risks like the Mekong River Delta and Highland in order to stabilize production system of farmer households. Develop agricultural processing industry in order to motivate the process of intra-branch diversification.

- Develop rural industry, trade village groups and rural service to diversify farmers' income and accelerate industrialisation.

- Develop industrial zones which are distributed reasonably in rural environment in order to the equal development between countrysides and cities, and reduce the high decentralisation in big cities.

- Invest in human resource through education, health, vocational training in order to improve professional level of farmers.

**Criteria system to evaluate the process of economic structural change** in Vietnam proposed by the authors:

Criterion in economic structure:

- Criterion in economic structure according to branch (agriculture, industry, service) in GDP

- Export structure and proportion of agricultural products

Criterion in resources: input element of the economy:

- Criterion in labour structure such as the rate of agriculture, civilculture and pisciculture's labour in the total number of labour, labour quality and the movement of labour.

Agricultural land's using structure: urbanisation, size of agricultural households, the situation of land's crumbliness, and the number of farmer households who do not have cultivated land.

Social and agricultural investment structure, effectiveness of investment in agriculture.

Economic stakeholders structure, capital distribution among economic stakeholders

Criterion to assess impacts of economic structural change:

Diversification coefficient of productional branches in agriculture- silviculture- pisciculture's sector; agricultural and cultivation sector.

Growth of production value and the structure of branches in agriculture-silviculture- pisciculture's sector.

Land's productivity and agricultural labour's productivity.

Criterion showing the impacts of structural change in farmers' households level: income's increase, hungry and poor's rate, income distribution (Gini coefficient), good production level, and social criterion based on millennium's objectives...

### **3. Actual situation of economic structural change in Vietnam during previous decade.**

#### **Economic structural change in GDP labour**

In the late of 1980s there was a significant decrease in industrial proportion (which used much capital and little labour) and an increase in agricultural proportion (which used little capital and much labour). However, in the early of 1990s, there was a strong industrialization accompanied with a decrease in agricultural proportion and an explosion in service field. From the late of 1990s to this day, we can see that the industrialization has been hastened while the proportion of both agriculture and service have had a relatively decrease.

Table 1: Structural change in economic branches in period of 1990-2003 (%)

	1990	1995	2000	2003
Whole country	100,0	100,0	100,0	100,0
1. Agriculture- silviculture- pisciculture	<b>38,7</b>	<b>27,2</b>	<b>24,5</b>	<b>21,8</b>
<b>a) Agriculture</b>	32,7	23,0	19,8	16,7
<b>- Cultivation</b>	27,7	19,4	16,1	13,6
<b>- Livestock</b>	4,3	3,1	3,3	3,2
<b>b) Silviculture</b>	3,0	1,2	1,3	1,1
<b>c) Pisciculture</b>	3,0	2,9	3,4	4,0
2. Industry & construction	<b>22,7</b>	<b>28,8</b>	<b>36,7</b>	<b>40,0</b>
3. Service	<b>38,6</b>	<b>44,1</b>	<b>38,7</b>	<b>38,2</b>

Source: Calculate based on data of Statistics head department (2003)

Changes in economic structure and labour structure shown in:

The fastest growth rate of agricultural proportion's reduction in GDP is in the South-east area, then the Red river delta, and then the Central North. Other areas have a slower reduction, only Highland still increase at an average of 1% per year in the period of 1996 -

2002. However, regarding with the average proportion of agriculture in GDP of all areas, Highland has the biggest proportion, then the Mekong river delta and Northwest.

Provinces reducing agricultural proportion in GDP at a rate of more than 5% per year are: Binh Duong, Ho Chi Minh city, Vinh Phuc, Bac Ninh, Hung Yen, Hanoi, Da Nang, and Can Tho.

Table 2: Economic structural change in GDP and labour of areas in 1996-2002

	Proportion in GDP (%)		Labour proportion of A-S-P (%)	Sector growth rate in GDP (%)		Growth rate of labour proportion in A-S-P
	A-S-P	I		A-S-P	I	
Whole country	23,45	34,45	64,57	-2,29	2,99	-1,8
Red river delta	26,89	30,63	65,09	-3,96	4,94	-2,57
Northeastern	39,41	27,34	81,74	-3,22	3,83	-1,2
Northwest	53,24	14,96	88,57	-2,32	4,41	-0,74
Central North	40,69	21,90	74,68	-2,63	6,19	-1,5
Central South	34,60	26,74	62,69	-3,58	4,47	-2,65
Highland	68,97	11,64	77,85	1,00	-1,21	-1,02
South-east	9,85	50,19	36	-4,00	3,15	-3,71
Mekong river delta	55,07	17,27	63,56	-2,17	4,58	-0,47

Source: Calculate based on data of Statistics head department (2003)

The fastest growth rate of industrial proportion's increase in GDP is in the Central North because its industry has just developed then the Red river delta and the Mekong river delta. Other areas also increase except for Highland in this period. The highest average proportion in industrial GDP is in the South-east, exceeding 50%, then the Red river delta.

Provinces increasing industrial proportion in GDP at a rate of more than 10% per year are: Vinh Phuc, Bac Ninh, Hung Yen, Ha Nam, Cao Bang, Lang Son, Bac Kan, Quang Tri, and Binh Phuoc.

Agricultural labour increases sharply in the South-east, Central South, and then the Red River Delta.

Provinces reducing agricultural labour at a rate of 5% are Da Nang, Binh Duong, Thua Thien – hue, Ha Noi, Ha Tay, Ha Nam, Bac Ninh.

**Provinces have a significant change in economic structure**, where all three above criterion are high, are: Binh Duong, Vinh Phuc, and Bac Ninh.

### **Diversify economic and rural industrial development's activities**

Rural industry contributes to economic activities of the locality and farmer households with non-agricultural activities. In this period, Highland and Red River Delta have the fastest increase in this economic sector. Areas having least changes in private industry are the Northwest and Mekong River Delta..

It could not determine exactly the proportion of rural areas because there is no separate statistics for rural industry. According to the estimate of UNIDO year 1997, the proportion of rural areas occupied about 20 – 25%. According to thr report of OCED (1998), in order to estimate the development level of rural industry, we can take Hanoi, Hai Phong, Thua Thien-Hue, Da Nang, Ho Chi Minh City away from private industry, and if consider this the rural industry, then: the rural industry increased 7.7% per year, urban industry increased 15.3% per year. Based on the mentioned result, urban industry grew faster than rural industry and rural proprotion occupied only 15%.

According to the data of Statistics head department, there are 235 rural industrial enterprises, in which processing agriculture, silviculture and aquiculture occupies 32.9 %, Producing constructive materials 30.9 %, light industry 15 %, mechanics 12.8 %, mining 6.8 %, chemistry 2.1 %, etc. Among nearly 41,000 enterprises producing and trading in rural areas, state-owned ones make up 14%, co-operatives 5.8%, 80% remains are private enterprises.

According to implemented rural career investigations, an enterprise averagely can create stable employment for about 27 people; such enterprises as knitting, embroibering, lacing, plaiting, etc. can attract hundreds of employees. Together with the development of many other branches, rural industry has contributed to create jobs for more than 5 million people in both harvest time and post-harvest time. In 1995, professional turnover was 38.2 thousand billion VND, in 2001 is 60 thousand billion VND, increasing rate in 5 years is 8.5 %.

### **Changes in the food domestic demand.**

The development of domestic demand for and market of agricultural products has motivated agriculture. The increasing rate of the government's consumption was from - 5.7% in 1999 to 5.4% in 2002, whereas private consumption increased from 2.65% in 1999 to 7.1% in 2002.

Table 3: Changes in food market in countryside and cities

	1993	1998	2002
<b>Food consumption value of citizens</b> (000 vnd/people /year)	1455	1830	2302

<b>Food consumption value of countrymen (000 vnd/people /year)</b>	1006	1236	1519
<b>Rate of food bought from market in cities (%)</b>	95,2	95,3	95,4
<b>Rate of food bought from market in countryside (%)</b>	56,8	63,8	71,5
<b>Expenditure for food in cities (000 vnd/people /year)</b>	1384	1743	2196
<b>Expenditure for food in countryside (000 vnd/people /year)</b>	571	786	1086
<b>Food market in countryside (billion vnd)</b>	3211	4608	6494
	4	9	8
<b>Food market in cities (billion vnd)</b>	19	3051	4370
	458	3	3
<b>Food market (billion vnd)</b>	51	7660	1086
	572	2	50

Source: VLSS 93 and 98, VHLSS 2002, comparative price 1998, calculation of M.Figue (MALICA).

Domestic food market also becomes important in comparison with export market. From 1993 to 2002, total value of domestic food market increased two times. The growth of Vietnamese market connects closely with population growth, but also connects to the increase in consumption of each person. The increase in consumption is not related to the increase of consumed quantity of food and the more and more increased demand of the market to supply to rural areas as well as cities. It is necessary to acknowledge the importance of urban market: in 2002, market was divided as follows: 60% of the total value is for consumers in countryside and 40% of which is for consumers in cities where occupy only 20% of total population.

Regarding to rural market, growth reached double from 1993 to 2002, the rate of buying food also increased from 57% to 72% at the same time. Rural market requires less quality than urban market, which creates outputs for low quality agricultural products of poor households. The development of domestic market leads to the diversification of the demand for and the variety of agricultural products, and motivates the change of economic structure. Moreover, the growth of inland demand is potential and stable. In contrast, export market is very fluctuant and only concentrates on some basic commodities.

**Diversification process<sup>6</sup> in cultivation, agriculture and agriculture-sylviculture-aquaculture.**

The development of domestic market leads to agricultural diversification. With regard to **diversification coefficient** of cultivation, the highest is in the South-east, the lowest is Highland and Mekong River Delta. With regard to agricultural diversification coefficient, the highest efficient is in the South-east, Central South coast, and North-east. With regard to agriculture-sylviculture- aquaculture's region, areas having highest coefficient also are South-east, Central South coast, and North-east. On the contrary, lowest coefficient expressing specialisation is in Highland.

Diversification coefficient all over the country increased in 7 years from 1996 to 2002, in which cultivated diversification had the fastest increase, then agriculture and agriculture-sylviculture- aquaculture. The region having the highest increase in diversification coefficient is the South-east; meanwhile, all other regions have the tendency of reducing the diversification. Regions having the lowest increase in diversification coefficient are Highland, Red River Delta, Central North, and Mekong River Delta.

Table 4: Diversification of agriculture-sylviculture-pisciculture production in 1996 – 2002.

	<b>Average Simpson diversification coefficient of crops</b>	<b>Average Simpson diversification coefficient in agriculture</b>	<b>Average Simpson diversification coefficient in Agricultural-Sylviculture</b>	<b>Growth rate of Simpson diversification coefficient of crops</b>	<b>Growth rate of Simpson diversification coefficient in agricultural</b>	<b>Growth rate of Simpson diversification coefficient in agricultural</b>

<sup>6</sup> Simpson diversification coefficient is the variant of the diversification coefficient used in ecology which is proposed by Simpson (Odum E.P., 1986). This coefficient fluctuates from 0 to 1. What approximates 1 expresses a high level diversification. What approximates 0 expresses specialization.

$$D = \frac{\sum X_{ij}}{\sum X_j}$$

$X_{ij}$

$X_j$  : Output value of product j in region i.

$X_j$

$X_j$  : Average value of product j all over the big region.

j

			ral- Aquacultu ral			ylvicultu ral- aquacultu ral
Whole country	0,58	0,71	0,80	0,89	0,77	0,64
Red River Delta	0,49	0,68	0,73	-4,51	-0,32	-0,02
North-east	0,56	0,73	0,80	-0,75	0,16	0,11
North-west	0,56	0,69	0,77	-0,55	-0,80	-0,41
Central North	0,51	0,69	0,79	-4,07	-0,82	-0,15
Central South coast	0,55	0,71	0,81	-1,67	-0,01	0,12
Highland	0,46	0,56	0,60	-6,02	-5,89	-5,57
Southeast	0,66	0,77	0,83	4,65	2,58	1,62
Mekong river delta	0,48	0,63	0,76	-3,50	-1,93	-0,33

Source: Calculate based on data of Statistics head department (2003)

### Factors influencing economic structural change

The result of principle component analysis<sup>7</sup>, showing in first three main components, which enables to explain 52.6% of database's information.

Table 5: Correlation coefficient between variables and principal components 1996 – 2002

Component I	Diversi- fication	Component II	Agri- culture	Component III	Urbani- sation
<b>Explanation</b>	<b>25,49 %</b>	<b>Explanation</b>	<b>14,56 %</b>	<b>Explanation</b>	<b>12,45 %</b>
<b>Agricultural diversification coefficient</b>	<b>0,839</b>	<b>Growth rate of agricultural value</b>	<b>0,775</b>	<b>Growth rate of annual industrial crops</b>	<b>-0,567</b>

<sup>7</sup> In order to study the impact of macro-economic elements on rural economic structural change, using Principal component analysis method is a tool of multi-dimension statistics which enables to analyse the importance of elements in the database and the relation between groups of elements related to economic structural change in agriculture and rural areas and elements explaining this process. This analysis is carried out on 29 variables which describe economic structural change and 61 entities which are provinces all over the country. Figures calculated express an average change of elements in studied period from 1996 to 2002.



<b>Growth rate of agricultural diversification</b>	<b>0,831</b>	<b>Growth rate of the perennial industrial trees value</b>	<b>0,769</b>	<b>Growth rate of service proportion in GDP</b>	<b>-0,550</b>
<b>Agriculture-sylviculture's proportion in GDP</b>	<b>- 0,805</b>	<b>Growth rate of cultivation value</b>	<b>0,744</b>	<b>Diversification coefficient of agriculture &amp; sylviculture</b>	<b>-0,547</b>
<b>Growth rate of agriculture-sylviculture's diversification</b>	<b>0,748</b>	<b>Growth rate of agriculture-sylviculture's value</b>	<b>0,630</b>	<b>Industry construction proportion in GDP</b>	<b>0,487</b>
<b>Diversification coefficient of cultivation</b>	<b>0,682</b>	<b>Growth rate of GDP</b>	<b>0,576</b>	<b>Diversification's growth rate of agriculture &amp; sylviculture</b>	<b>-0,485</b>
<b>Growth rate of Cultivation diversification coefficient</b>	<b>0,650</b>	<b>Cultivation diversification coefficient</b>	<b>0,555</b>	<b>Urban population rate</b>	<b>0,483</b>
<b>Industry-Construction rate in GDP</b>	<b>0,635</b>	<b>Growth rate of vegetables and beans value</b>	<b>0,550</b>	<b>Growth rate of labour proportion in agriculture</b>	<b>-0,461</b>
<b>Agriculture-sylviculture's diversification coefficient</b>	<b>0,627</b>	<b>Growth rate of Cultivation diversification</b>	<b>0,538</b>	<b>Agricultural labour proportion</b>	<b>-0,435</b>

Source: Calculate based on data of General Statistics Office (2003)

Component 1 decides 25% of changes closely related to of growth rate of agricultural diversification coefficient and agricultural diversification coefficient. It can be said that the first component expresses the important role of **agricultural, sylvicultural and cultivation diversification** in the same correlation dimension. According to component 1, diversification phenomenon in agriculture and sylviculture varies in the opposite direction with the high proportion of agriculture and sylviculture in GDP. Therefore, provinces having high agricultural and sylvicultural proportion in GDP are all. Thus, all provinces having high agricultural and sylvicultural proportion in GDP are in specialised cultivation, not the provinces having high diversification. Conversely, agricultural and sylvicultural

diversification occurs when the economy changed its structure, industrial and constructional proportion is high, and agricultural proportion decreased.

Component 2 decides 14.6%. This is the component which expresses inner relation in **agriculture branch**. That growth rate of agricultural value suddenly increases in the same direction with the high diversification coefficient shows the role of cultivated diversification contributed to agricultural value's increase. Among crops' groups, perennial industrial crops have the most obvious role in diversification, and then vegetables and bean. Agricultural growth varies in the same direction with GDP's growth rate which means that agriculture has an important contribution to GDP's growth last period.

Component 3 decides 12.5% of the change, which is so-called urbanization. The rate of urban population and that of industry in GDP vary in the same direction. This process connects closely the decrease in agricultural labour rate. However, provinces having a high level of urbanization have lower diversification coefficient in agricultural, sylvicultural and aquatic products for agriculture's and forest's areas decrease. Annual industrial crops do not develop in highly urbanized areas. Growth rate of service in GDP does not depend on urbanization.

### **The typology of rural economic structural changes in Vietnam**

The change of structural elements are quite complicated because it closely relates to the ecological diversification and regional social economy in Vietnam. Typology<sup>8</sup> of economic structural change enables us to distinguish types of rural economic structural change in ascending order of changing rate.

Table 6: Types of economic structural change in Vietnam according to cluster classification analysis.

<b>Types of Economic structural change</b>	Highland type	Large plain type	Mountainous and central areas' type	Cities' and industrial developed provinces' type	New industrialisation's type
Average rate of agriculture and sylviculture in GDP	66,6	49,5	48,5	13,8	49,2
Average rate of industry in GDP	13,4	20,5	19,8	46,3	22,9
Average rate of service in GDP	20,0	30,0	31,6	39,9	28,0
<b>Average growth rate of GDP</b>	<b>11,8</b>	<b>8,1</b>	<b>9,0</b>	<b>11,5</b>	<b>13,4</b>

<sup>8</sup> In order to classify tendencies of rural and agricultural economic structural change, using the method of cluster analysis with 3 main datum lines determined by aboved analysis.

Average reducing rate of agricultural & sylvicultural proportion in GDP	1,1	-2,5	-2,4	-6,2	-5,8
Growth rate of industrial proportion in GDP	-1,4	5,1	4,7	3,7	15,6
Growth rate of service's proportion in GDP	-2,5	0,7	1,4	-2,4	0,3
Reducing rate of labour structure in agriculture & sylviculture	-1,3	-1,5	-1,3	-6,3	-2,0
Average rate of labour in agriculture & sylviculture	77,0	66,6	74,5	38,5	64,8
Growth rate of private industrial production's value	8,7	11,0	12,3	18,7	29,0
Growth rate of the value of foreign capital's industrial production	8,3	11,6	24,9	26,9	109,5
Growth rate of agricultural & sylvicultural value	16,7	8,9	8,9	7,9	11,2
Growth rate of agricultural value	17,6	5,7	8,8	5,8	11,6
Growth rate of cultivation value	20,6	5,8	7,8	3,4	10,2
Growth rate of food crops	-6,8	10,5	7,5	-2,5	6,3
Growth rate of vegetables & bean value	15,9	-9,7	7,2	9,7	10,1
Growth rate of annual industrial crops value	-1,7	-5,8	6,2	3,1	-7,2
Growth rate of perennial industrial trees value	78,7	-25,7	-8,8	0,7	4,6
Growth rate of livestock value	1,9	2,7	13,9	14,8	15,6
Growth rate of aquatic products value	15,3	20,4	17,0	15,9	16,8
Growth rate of sylviculture value	0,30	1,37	1,48	-3,36	-9,28
Average Simpson diversification coefficient in cultivation	0,45	0,41	0,55	0,60	0,51
Average Simpson diversification coefficient in agriculture	0,55	0,59	0,71	0,74	0,68
Average Simpson	0,59	0,70	0,78	0,77	0,71

diversification coefficient in agriculture & sylviculture					
Growth rate of Cultivation Simpson diversification coefficient	-5,9	-10,8	-1,8	1,2	-3,7
Growth rate of Agricultural Simpson diversification coefficient	-5,7	-4,8	-0,2	1,1	-1,2
Growth rate of agricultural & sylvicultural Simpson diversification coefficient	-5,4	-2,2	0,0	0,4	-1,3
Growth rate of urban population	5,4	3,8	4,3	5,2	10,9
Average percentage of urban population	27,7	17,7	15,7	48,8	10,6

Source: Calculate based on data of Statistics head department (2003)

**Highland type - slow economic structural change:** this region grows fast thanks to the specialisation of perennial industrial trees like coffee tree; however, agricultural diversification decreases sharply. Main products are coffee raw materials which is little processed; this leads to the slow structural change's process. Labour in agriculture predominates. This type of structural change is popular in Highland except for Kontum because it still keeps features of mountainous backward provinces.

**Large plain type - medium economic structural change:** These are rice's high intensive cultivation areas in Red River's and Mekong River's provinces. In this type, GDP growth rate is the slowest in comparison with others where decrease the diversification in agriculture, sylviculture and aquiculture; therefore, economic structural change of this type is just in medium level.

**Mountainous and central type - medium economic structural change:** this is the type of poor provinces. This type has the biggest number of provinces, including 33 provinces in different regions all over the country. This type has a high agricultural and sylvicultural diversification but labour rate in agriculture is still high. These provinces have a medium growth level which is higher than provinces purely cultivating rice thanks to the diversification; therefore, they are little influenced by the recently reduction of rice's price. Provinces of this type actually have not defined the strategy of rural and agricultural economic structural change which is unprompted. The gathering a large number of provinces in this type shows the embarrassment in defining the strategy of economic structural change in many localities. In order to solve this problem, it is necessary to study conditions to diversify of localities in the following studies.

**Urban and developed industrial provinces' type - rather fast economic structural change:** this is the type of big cities and provinces having high industrial proportion and GDP growth located in different ecological regions. Agricultural diversification grows according to the market's demand. Labour in agriculture decreases relatively fast. This type includes big cities plus Binh Duong and Dong Nai. Because of the strong influence of the urbanisation and industrialisation, the process of economic structural change in these provinces are little influenced by regional ecological conditions.

**New industrialisation's type - fast economic structural change:** These are agricultural provinces which have started to industrialise with the contribution of foreign investment; therefore, they have a high growth rate of industrialisation and fast labour reduction in agriculture. The urbanisation's speed in these provinces is high but with small cities and little population. GDP growth of these provinces is the fastest thanks to the contribution of industrialisation. Because of being in new industrialisation and having wise investment policy, the growth's speed of this type is higher than that of urban and developed industrial provinces' type.

Regions having slow process of economic structural change are in Highland type and large plain type which is caused by two groups of reasons. Regions specialising in agricultural production to export such as Mekong River Delta and Highland all change slowly because of the concentration on producing primary agricultural products and the underdeveloped industry. Meanwhile, in provinces in the Northern mountain and the centre, economic structural change just gets the medium level for agricultural goods production and industry are not developed. Sylvicultural production is diversified for the popular situation of small self-sufficient production; agricultural goods production still meets with difficulties.

Table 7: Distribution of provinces according to types of economic structural change

No	Types of change	Provinces
1	<b>Highland type</b>	Gia Lai, Đak Lak, Lam Dong
2	<b>Large plain type</b>	Ha Nam, Nam Đinh, Ninh Binh, Lai Chau, Thua Thien-Hue, Long An, Đong Thap, An Giang, Kien Giang, Can Tho, Soc Trang, Bac Lieu, Ca Mau.
3	<b>Mountainous and central type</b>	Ha Tay, Hai Duong, Thai Binh, Ha Giang, Cao Bang, Lao Cai, Lang Son, Tuyen Quang, Yen Bai, Bac Kan, Thai Nguyen, Phu Tho, Bac Giang, Quang Ninh, Son La, Hoa Binh, Thanh Hoa, Nghe An, Ha Tinh, Quang Binh, Quang Tri, Quang Nam, Quang Ngai, Binh Dinh, Phu Yen, Kon Tum, Binh Thuan, Ninh Thuan, Tay Ninh, Tien Giang, Vinh Long, Tra Vinh, Ben Tre.
4	<b>Urban and developed industrial provinces'</b>	Hanoi, Hai Phong, Da Nang, Khanh Hoa, Ho Chi Minh City, Binh Duong, Đong Nai, Ba Ria-Vung Tau.

	<b>type</b>	
5	<b>New industrialisation's type</b>	Hung Yen, Vinh Phuc, Bac Ninh, Binh Phuoc

**Source: Calculate based on data of Statistics head department (2003)**

### **Simulation of economic structural change to year 2020.**

In order to form the strategy for development until 2020, this study uses the **macro-economic structural model** to introduce some simulations of the way to conduct industrialisation going together with urbanisation and rural development in order to examine their influences on sector's structure of Gross Domestic Product (GDP); simulations of structure between agriculture and non-agriculture; and simulations of structure between rural areas and cities. These simulations enable to estimate elements related to GDP such as labour, income, food demand, land, productivity of several agricultural products.

The model uses 3 simulation methods: tendential trend, industrialisation gathered in urban areas, and industrialisation distributed in rural areas.

The results of the above simulations show that in the same conditions of economic structural change, the industrialisation that is distributed in both urban and rural areas (decentralized industrialisation) will hasten the labour structural change which speeds up the decrease of agricultural labour rate and the economic structural change, and at the same time, increase agricultural labour productivity as well as farmers' income which shortens the gap between urban and rural people's income. In the subject's point of view, the strategy of decentralized industrialisation is more suitable and feasible for populous plain areas.

Table 8: Compare the results of 3 simulation methods

<b>Criterion</b>	<b>Scenarii</b>	<b>Trend</b>	<b>Rural areas</b>	<b>Rural areas</b>	
				<b>Agriculture</b>	<b>Non-Agriculture</b>
GDP	Trend	68,2	31,8	30,1	69,9
	Urban industrialization	80,5	19,5	49,0	51,0
	Rural industrialization	57,8	42,2	22,6	77,4
Labour	Trend	34,3	65,7	30,1	69,9
	Urban industrialization	36,7	61,3	49,0	51,0
	Rural industrialization	27,4	72,5	22,6	77,4
Incom	Trend	2293	1188	-	-

e/cap.	Urban industrialization	2278	1328	-	-
	Rural industrialization	2310	2267	-	-

#### **4. Conclusions and recommendations about economic structural change's policy**

##### **Conclusions of the actual situation of rural economic structural change.**

In general, GDP's structural change takes place slowly and is not shown clearly in such elements as labour and capital. Little labour is transferred from agriculture to industry, but mainly to service. The capital invested to agricultural products' diversification is still little and not gathered. This capital is mainly invested by the natives and seldom invested directly by foreigners.

With regard to the trend of agricultural and rural economic structural change based on territory, we can see that provinces in the same ecological region are not homogeneous in the way of economic structural change. This is because of the different level of urbanisation, industrialisation, and the local policy of these provinces besides ecological elements. Almost all localities are confused in defining the strategy of rural and agricultural economic structural change. It is necessary to concentrate on study policy adjusting economic structural change at provincial and national levels.

Agricultural export market contributes to agricultural growth, but has not much contributed in structural change for export goods are mainly raw agricultural products so it has not motivated processing industry, whereas domestic market plays more and more important role in promoting agricultural diversification and economic structural change.

Such regions having high economic growth as Highland are not strong structural change for specialising in industrial crops; however, the growth is likely to be unstable, especially farm households' production system. The stability of farm households' production system is the condition for regional level's stability.

Such regions exporting the largest number agricultural products as Mekong River Delta and Highland are not fast economic structural change. Conversely, such region specialising in rice as Mekong River Delta has the slowest growth for the frequently reduction in rice price.

Agricultural production diversification practically contributes to and is the process accompanying with the economic structural change. Regions having fast economic structural change have a more diversified agricultural production such as regions in the edge of big cities.

Diversification of rural economic activities leads to the change in labour structure in the trend of reducing agricultural labour and increasing labour productivity (e.g. the South-east); however, vocational training is necessary for the labour to change easily.

In period 1996 - 2002, there were two types of fast economic structural change in Vinh Phuc, Bac Ninh, Hung Yen, Binh Duong. These provinces had new developed industrialisation and big cities for speeding up industrialisation and urbanisation.

### **Challenges near future period.**

In the economic structural change's process, there appear 4 challenges needs to be overcome as follows:

Rural environment is degraded due to the intensive cultivation and the overuse of input.

Unequal development among regions, between urban and rural areas

Production and processing technologies are out of date

Weak competitive capacity in WTO's joining circumstances for small production scale and backward institution

The above mentioned challenges are solved in four main processes of Vietnamese economic development as follows:

Population pressure and food demand continue to increase.

The phenomenon of emigrating from rural areas to urban areas are more and more increasing

The process of technological innovation is taking place slowly

The process of international market's integration is coming

Orientations to solve challenges in these four processes are:

Search for reasonable and sustainable cultivated technique

Develop equally between rural and urban areas; industrialise rural areas

Study and develop adaptable technologies to accord with the situation

Diversify the domestic and international new markets by means of production's diversified strategy.

**Recomandations for strategic orientations of national general economic structural change and rural economic structural change.**



Summaries and experience of many countries all over the world and experience of some localities in Vietnam show that in order to motivate economy, including rural and agricultural economy, it is necessary to build a long term strategy together with overall policies for the whole country and different ecological diversified regions. An economy where the industry and service have just begun to growth needs to have an agriculture growing stable and satisfying the demand or food of the society. This process is the natural tendency of the economy, but it is necessary to have overall strategies in agriculture among areas in order to speed up changing process. Basing on experience of developed countries and our country in transition period and researches in rural and agricultural economic structural change, we **suggest** 5 strategic orientations to act as basis to construct development policy:

**Help poor farmer to change from self-sufficiency to goods production.**

The development law of household economic is from self-sufficiency to commodity production. After innovation, peasant household' economy develop relatively fast, but the rate of self-sufficient farmer households, mainly poor ones, is still rather high, especially in difficult regions. The main purpose of the poor prevention is to help these households to change to produce goods. Currently, there is an opinion that market in rural areas must be created in order to prevent poor. We believe that self-sufficient farmer households have not connected with the market is not because of not having a market but because of the lack of production factors or because they do not know how to trade. Therefore, in order to motivate these households, there must have simple associations of peasants as pre-cooperatives, which depend mainly on the interdependence such as raising groups, production teams, veterinary medicine cabinets, credit groups, extension clubs, etc., that are non-market institutions to help peasants to take part in market. These are most effective ways to release the poor.

**Diversify production to create jobs and increase income for peasants.**

Researches in household economy shows that poor peasants tend to diversify their income. Demand for agricultural products increases and diversified in the process of industrialisation. Agricultural products' market has a sharp fluctuation in price which causes risks to peasants. The most effective way to prevent risks is diversification; therefore, the development of household economy is the diversification. The existing trend of agricultural projects based on the high competitive advantage and building intensive cultivation's areas against the diversified strategy, leads to high risks and creates difficulties for the development. The trend focuses only to export, makes light of developing domestic market also against the diversified strategy. Experience proves that producing for domestic market by means of diversification leads to a faster economic structural change. The result of the study shows that rich peasants specialise production and poor peasants diversify. It is necessary to combine specialisation and diversification, production for export and for domestic market.

However, in order to achieve the above goal, the imminent strategy of agricultural development needs to concentrate on domestic market by means of diversifying production as the case of Red River Delta. Strategy for diversifying agricultural products for export becomes effective only when the agricultural economy has the strong capacity of diversification and adaptation to the change of market both in quantity and quality. Experience of Mekong River Delta and Highland shows that the early concentration on exporting specialisation will not speed up the rural and agricultural economic structural change. The result of this is the increasing social gaps and the risk of the regional economy. Therefore, regions specialising in raw agricultural products for export such as rice in Mekong River Delta and coffee in Highland need to change the strategy in order to motivate agricultural diversification and reduce risks.

The two above strategic orientations closely combine with each other in reality and can use the same policy tools. We suggest necessary policies used to perform the two above strategic orientations:

Motivate diversified study of crop plants, domestic animals; combine preservation and exploitation of biological diversification; develop products' diversified processing.

Promote deep studies in the activities of market, good branches, value chain, and changing trends of consumption.

Develop the system of public service and community service served for the production of farmer households, create the chance for the poor to participate in services of extension, credit, training, commercial promotion.

Promote local development participated by local people and decentralise administration management.

Promote the development of trade villages specialising in agriculture or non-agriculture in the same region.

Promote co-operative process of farmer households who have small scale production and trading by means of specialised co-operatives, associations, groups, teams, ect.

**Establish diversified market institutions and gradually complete market institutions.**

In order to have a complete developed rural market, it is necessary to have a diversified and effective market institution system. This system needs to be ensured by the law and infrastructure to operate. Existing market institutions usually have high exchanging expenditure. The trend of market institution development is to gradually reduce exchanging expenditure. Among actors in the market, peasants are the ones who are most disadvantaged because they have not have the ability to bargain. In order to complete the market institution, it is essential to have different forms of diversified institutions for the society to choose the most effective institutions. Besides such institution as contractual agriculture between

enterprises and peasants, it is necessary to have institutions to help peasants participating in market such as co-operatives, associations, fair commerce, institutions to control agricultural quality (brand name, origin, ect.)

In order to develop market institution, it is essential to speed up completing legal documents to create the environment for exchanging in market. Besides, it needs to have a system to train and advise actors, especially peasants who participate in market. It is also necessary to develop social and interdependent non-market institutions such as association and co-operatives to regulate the social gaps caused by market structure.

### **Construct non-agricultural, rural industrial activities to create jobs for peasants**

In industrial process, only urban industry and industrial zones do not attract all the added labour in rural areas to create conditions to reduce agricultural labour. Experience proves that it is necessary to speed up the development of non-agricultural careers in rural areas, including rural industry. There exists a relatively developed trade village system. Recently, trade villages have recovered, developed and innovated in order to create jobs for peasants. In many places, trade villages have developed into industrial complexes in order to turn into small and medium enterprises, relied mainly on the local inner force. Local self-motivation and creative commercialism is a new factor in the rural economic structural change. Industrial complexes are a new form of institution based on the cooperation and the interdependence. The requirement of stable development can only be satisfied when there exists such self-motivated and flexible localities. Local and state governments should support and make a favourable legal corridor to promote this process leading to the rural industrialisation. It is necessary to determine strategy to promote the change of labour structure together with branch's structure and guarantee the employment in rural environment. This strategy is closely related to the strategy to choose the technology using much labour. Policies needed are:

- Give priority to the development of vocational training system for peasants in a professional direction and give socioeconomic advises to them about agriculture and non-agriculture;
- Develop labour market and information network for employment;
- Combine labour's and employment's policies with credit policies.

### **How to proceed urbanisation to bring about the rural development; associate agriculture and industry.**

Urbanisation is indispensable of the development. Urban population will make up a half of Vietnamese population in ten years time. In most preceding countries, agriculture declines and food is imported when industrialising and modernising. Nowadays, the projects to develop urban areas and rural areas are preceded separately and seldom relate to each other. General trend of the world is to develop industrialisation and decentralised

urbanisation according to the model "desakota" (in Indonesian, "desa" means rural, "kota" means urban). This model develops regional towns, in which medium and small towns are the centre to develop surrounding areas and break down the boundary between these two areas. Industrialised strategy follows the trend of decentralisation, creating many small towns in rural areas to create jobs and contribute to promote the rural labour structural change.

Policies to develop agricultural and industrial areas need to be comprehensive and based on a general development's strategy in the region in order to promote the economic structural change.

Promote study to develop stable suburban agriculture together with the urbanisation, avoid land's speculation which leads to the decrease in agricultural development

Intensify land market's management capacity of all levels and use the policy of distributing land's revenue satisfactorily to peasants when changing the purpose of using land to industry and service.

### **References**

Chenery H., 1988. Structural transformation, Handbook of development economics, Volume 1, North -Holland, 197-202.

Dovring F., 1959. The share of agriculture in a growing population, FAO, monthly bulletin of agricultural economics and statistics, No8,

Fisher A.G.B., The clash of progress and security, London, Macmillan, 1935. Clark c., The conditions of economic progress, London, Macmillan, 1940.

Hayami Y., 1986. Agricultural protectionism in the industrialized world: the case of Japan, East-West Center, Honolulu,

Hayami Y., Ruttan V.W., 1985. Agricultural development-An international perspectives, Johns Hopkins University Press.

Klatzman et al. (eds), 1971. The role of Group Action in the Industrialization β the Rural Areas, Praeger publishers.

Kuznets S., 1971. Economic growth of Nations: Total Output and Production Structure, Havard University Press, Cambridge.

Mellor J.W., 1995. Agriculture on the Road to Industrialization, John Hopkins University Press, Baltimore.

Syrquin M., 1988. Patterns of structural change, Handbook of development economics, Volume 1, North -Holland, 203-273.

Timmer C. P., 1988. The Agricultural transformation, Handbook of development economics, Volume 1, North -Holland, 275-331.

Todaro M.P., 1982. Economic development in the third world, Longman, Newyork-London.

Nguyễn Thế Nhã, 2000. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất ở vùng Red River Delta. Tham luận ở hội Thảo Việt –Nhật, Ngày 8-9/tháng 12 năm 2000.

Đặng Kim Sơn, Hoàng Thu Hoà (Chủ biên). Một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn. CIEM, Nhà xuất bản thống kê, Hà nội 143 trang.

Stiglitz J. và Yusuf S. (Chủ biên), 2002. Suy ngẫm lại sự thần kỳ Đông á. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà nội, 659 trang.

Lê Quốc Sử, 2001. Chuyển dịch cơ cấu và xu hướng phát triển của kinh tế nông nghiệp Việt nam theo hướng CNH, HĐH từ thế kỷ XX sang thế kỷ XXI trong thời đại Kinh tế tri thức. Nhà xuất bản thống kê, Hà nội 382 trang.

Lê Đình Thắng (Chủ biên), 1998. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn - Những vấn đề lí luận và thực tiễn. Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà nội 268 trang.

Phạm Đức Thành, Lê Doãn Khải, 2002. Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH ở vùng Đồng bằng bắc bộ nước ta. Nhà xuất bản lao động, Hà nội 188 trang.

Lê Việt Đức, 2002. Phát triển Nông nghiệp và nông thôn trong chiến lược phát triển kinh tế chung của đất nước. Hội thảo chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn 3/2002.

Đào Thế Tuấn, Đào Thế Anh, Vũ Trọng Bình. Cơ sở khoa học của sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn. Hội thảo chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, 3/ 2002.

Nguyễn Điền, 1997. Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn các nước châu á và Việt nam. Trung tâm châu á Thái bình dương, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, 286 trang.

Nguyễn Đình Phan, Trần Minh Đạo, Nguyễn Văn Phúc, 2002. Những biện pháp chủ yếu thúc đẩy công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn vùng Red River Delta, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà nội 2002. 275 trang.

Hoàng Ngọc Hoà. Phối hợp một số chính sách kinh tế vĩ mô nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn hiện nay, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà nội 152 trang.

Frank Ellis, 1995. Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà nội 1995, 436 trang.

Nguyễn Đình Hương, 1999. Sản xuất và đời sống của các hộ nông dân không có đất hoặc thiếu đất ở ĐBSCL. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà nội, 1997, 615 trang.

TCTK. 2003. Kết quả Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2001. Nhà xuất bản thống kê. 719 trang.

Đào Thế Tuấn, 1997. Kinh tế hộ nông dân, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà nội, 1997, 256 trang.

Đào Thế Tuấn, Lê Thị Châu Dung. 1996. Mô hình mô phỏng an toàn lương thực và đa dạng hoá nông nghiệp Việt nam. Tài liệu nội bộ của VASI.

Đào Thế Anh, Franck Jesus. 1998. Nông nghiệp ĐBSH trong quá trình cải cách kinh tế. Tập san nông nghiệp. Tháng 9-10/1997. Paris. Nhà XBNN.

Đào Thế Anh, Dư Văn Châu và Lê Hoài Thanh. 1999. Phân hoá và động thái của hộ nông dân. Trong: Kỷ yếu Hội thảo Nông nghiệp gia đình và quản lý các nguồn lợi tự nhiên ở Châu thổ sông Hồng. VASI- GRET. Nhà XB nông nghiệp. Trang 9-23.

Đào Thế Anh. Hộ nông dân và các cản trở gặp phải trong quá trình đa dạng hoá hoạt động kinh tế ở ĐBSH. 2000. Trong: Kết quả nghiên cứu khoa học năm 2000. Viện KHKTNNVN. Nhà XB NN. Trang 221-233.

Đào Thế Anh. 2003. Cải cách kinh tế xã hội và sự thích ứng của hộ nông dân thông qua lựa chọn hoạt động kinh tế. Luận án tiến sỹ ENSAM, Montpellier, Pháp. 400 trang.

Đào Thế Anh, Moustier P. và Figue M., 2003. Thị trường thực phẩm và phát triển nông nghiệp. (tiếng Anh và Pháp). 2003. 108 trang.